

**PHƯƠNG ÁN
PHÁT TRIỂN NGÀNH THƯƠNG MẠI, KINH TẾ BIÊN GIỚI,
CÁC NGÀNH DỊCH VỤ, SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH
VỤ LOGISTICS TRONG QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**Chương I
TỔNG QUAN**

1. Sự cần thiết

Qua rà soát, đánh giá thực hiện các quy hoạch thời kỳ trước, cho thấy tỉnh Đồng Tháp cần phải tiếp tục thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững dựa trên các tiềm năng và thế mạnh mới của tỉnh, đồng thời phải phù hợp với bối cảnh quốc tế, trong nước trong những năm tới. Những xu thế tác động lớn mà tỉnh cần chú ý là: Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh. Kinh tế số sẽ làm thay đổi phương thức quản lý nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa xã hội; chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh tuy có gặp nhiều trở ngại, thách thức, cùng với diễn biến khó lường trong quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới. Trong nước: Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội tăng lên. Khu vực tư nhân ngày càng có sự đóng góp lớn hơn vào nền kinh tế. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế có xu hướng chững lại, nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và tụt hậu của nền kinh tế còn cao. Năng lực tiếp cận nền kinh tế số còn hạn chế. Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến khó lường ảnh hưởng lớn đến sản xuất, cuộc sống người dân.

Đối với công tác quy hoạch: Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 đã được Quốc hội khoá XIV đã thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 với nhiều nội dung mang tính cải cách, đổi mới quan trọng, hướng đến việc xây dựng quy hoạch tích hợp, đa ngành phù hợp với kinh tế thị trường, chú trọng nhiều hơn đến khía cạnh không gian trong quản lý phát triển, đặc biệt là tính liên kết về không gian phát triển. Trong thời kỳ mới, về tổng thể quốc gia có Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia, các Quy hoạch cấp quốc gia khác đòi hỏi tỉnh phải lập mới bản Quy hoạch tỉnh có nội dung phù hợp với Chiến lược, Quy hoạch mới của quốc gia.

Như vậy, để tiếp tục phát huy các tiềm năng, lợi thế mới của tỉnh, đồng thời tranh thủ và tận dụng tốt các xu thế phát triển của thế giới, thực hiện đúng theo quy

định của Luật Quy hoạch, tỉnh Đồng Tháp cần thiết phải lập “Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Đây là công cụ quan trọng để tỉnh định hướng, điều hành và quản lý mọi hoạt động phát triển KT-XH, phát triển không gian lãnh thổ trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ tới.

2. Căn cứ lập quy hoạch

- Các văn bản Luật, Nghị quyết, Nghị định, Thông tư, Pháp lệnh có liên quan.
- Quyết định số 107/QĐ-UBND-TL ngày 10 tháng 09 năm 2019 về thành lập Hội đồng Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 131/QĐ-HĐQHT ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc thành lập Tổ công tác lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 22/QĐ-UBND-HC ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc phê duyệt Đề cương và Dự toán kinh phí xây dựng Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 131/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 01 năm 2020 về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 05 tháng 08 năm 2020 về phê duyệt lập quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển.
- Các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng có liên quan.
- Các quy hoạch các lĩnh vực thời kỳ trước.

3. Tên quy hoạch

Báo cáo chuyên đề: Lập phương án phát triển ngành thương mại, kinh tế biên giới, các ngành dịch vụ, sản xuất kinh doanh và phát triển dịch vụ logistics trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi ranh giới quy hoạch trực tiếp đối với tỉnh Đồng Tháp bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của tỉnh. Theo đó, phạm vi lập Quy hoạch tỉnh bao gồm 12 đơn vị hành chính trực thuộc bao gồm: thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự và 9 huyện: Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Cao Lãnh, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành; với trung tâm tỉnh lỵ đặt tại thành phố Cao Lãnh. Tổng diện tích đất tự nhiên là 3.383,9 km², chiếm 1,02% diện tích cả nước, đứng thứ 5/13 của vùng ĐBSCL.

Phía Bắc giáp tỉnh Prey Veng - Campuchia;

Phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và TP.Cần Thơ;

Phía Tây giáp tỉnh An Giang;

Phía Đông giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

5. Thời kỳ quy hoạch

Thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chương II

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ DỰ BÁO VỀ CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI, KINH TẾ BIÊN GIỚI, CÁC NGÀNH DỊCH VỤ, SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS CỦA TỈNH

1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên tác động đến phát triển thương mại, kinh tế biên giới, các ngành dịch vụ, sản xuất kinh doanh và phát triển dịch vụ logistics

1.1. Vị trí địa lý

- Đồng Tháp là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), một trong ba tỉnh của vùng Đồng Tháp Mười (DTM). Địa giới của tỉnh nằm trên 2 vùng của ĐBSCL là vùng DTM và vùng giữa sông Tiền - sông Hậu; cách thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) khoảng 115 km về phía Đông Bắc.

- Nằm sát thượng lưu sông Tiền với các tuyến giao thông thủy bộ qua biên giới Việt Nam – Campuchia, Đồng Tháp là cửa ngõ của vùng tứ giác Long Xuyên hướng về vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và là đầu mối giao lưu quan trọng theo định hướng phát triển của Tiểu vùng Mê Kông mở rộng.

- Bên cạnh đó, tỉnh còn có 50 km đường biên giới, 2/4 cửa khẩu quốc tế với Campuchia, tạo điều kiện cho tỉnh phát triển kinh tế biên mậu.

Với vị trí địa lý như trên đã tạo điều kiện cho Đồng Tháp có thể mở rộng giao lưu với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tăng cường liên kết giữa Đồng Tháp với Campuchia là nguồn động lực để Đồng Tháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong tương lai sẽ trở thành trung tâm phát triển kinh tế năng động của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời tạo điều kiện cho tỉnh mở rộng thị trường, phát triển hợp tác liên vùng và quốc tế.

1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

- Tỉnh Đồng Tháp có địa hình bằng phẳng và tương đối đồng nhất mang đặc điểm chung của vùng ĐBSCL, khí hậu ổn định, có lịch sử canh tác lúa lâu đời,... hội tụ đầy đủ các điều kiện để phát triển trở thành vùng chuyên canh lúa, được thâm canh trên quy mô lớn và đồng nhất. Đồng thời, các loại cây trồng vật nuôi khác có khả năng phát triển trên một số địa bàn thích nghi là rau màu, nuôi tôm cá, phát triển kinh tế vườn, trồng và bảo tồn rừng ngập, nuôi và vỗ béo đại gia súc...

- Trên vùng giữa sông Tiền - sông Hậu, với điều kiện đất đai có độ phì cao, chủ động tưới tiêu theo triều, thích nghi phát triển lúa, kinh tế vườn, rau màu, chăn nuôi ở mức độ thâm canh. Đặc biệt vùng ven sông Tiền và sông Hậu có nhiều tiềm năng

phát triển các loại hình nuôi cá công nghiệp với tốc độ tăng trưởng nhanh và là nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Tài nguyên đất đa dạng về chủng loại, có diện tích đất nông nghiệp lớn, thuận lợi cho trồng lúa chuyên canh.

Với điều kiện tự nhiên như trên đã tạo nguồn nguyên liệu cho tỉnh sản xuất các sản phẩm phục vụ cho thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

2. Điều kiện xã hội

2.1. Dân số

- Dân số tỉnh Đồng Tháp có xu hướng giảm. Năm 2010, dân số trung bình của tỉnh là 1.669.622 người, năm 2015 dân số toàn tỉnh là 1.625.637 đến năm 2020 dân số toàn tỉnh là 1.600.014 người, mật độ dân số là 472 ng/km². Giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng bình quân là -0,42%/năm. Giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng bình quân tăng là -0,32%/năm. Song song đó, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trên địa bàn có xu hướng giảm từ 1,09% (năm 2010) còn 0,50% (năm 2015) và 0,81% (năm 2017), đồng thời Đồng Tháp cũng bị tác động rất lớn của việc di dân cơ học do tình trạng xuất cư tương đối khá mạnh trong những năm qua, phần lớn chuyển ra ngoài tỉnh tới làm việc tại các thành phố như Cần Thơ, TP. HCM, Đồng Nai, Bình Dương.

Với mức độ tăng trưởng dân số theo chiều hướng âm và xu hướng di dân cơ học ra ngoài tỉnh trong thời gian qua sẽ là thách thức khá lớn cho tỉnh trong việc phát triển thị trường tiêu thụ nội địa trên địa bàn tỉnh cũng như nguy cơ thiếu hụt nguồn lao động nói chung và lao động phục vụ cho ngành thương mại dịch vụ.

2.2. Nguồn nhân lực

- Tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh năm 2020 là 941.849 người, chiếm 58,87% (giảm so với 2015 là 59,02%) so với tổng dân số. Giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020, tốc độ tăng lao động lần lượt là 0,06%/năm và -0,9%/năm. Xu thế chuyển dịch cơ cấu lao động của Tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng lao động của khu vực công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và giảm tỷ trọng lao động của khu vực nông – ngư nghiệp.

- Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo tương ứng các năm 2010 – 2015 - 2020 lần lượt là 5,93% - 11,05% - 14,97%; với tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020 lần lượt là 13,26% và 6,27%.

Chất lượng lao động có xu hướng tăng qua các giai đoạn, sẽ tạo điều kiện cho tỉnh thu hút đầu tư phát triển, đặc biệt cho các ngành thương mại - dịch vụ là ngành yêu cầu nguồn nhân lực cho chất lượng cao. Tuy nhiên, nguồn lao động có xu hướng giảm sẽ là nguy cơ thiếu hụt nguồn lao động cho nền kinh tế nói chung và ngành thương mại – dịch vụ nói riêng.

3. Điều kiện kinh tế tác động đến phát triển ngành thương mại - dịch vụ

Tình hình kinh tế có bước phát triển khá toàn diện, quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng, ước năm 2020 đạt 86.537 tỷ đồng, tăng 1,51 lần so với năm 2015, xếp vào hàng khá của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 05 năm (2016 - 2020) ước đạt 5,48%/năm, đóng góp của

năng suất các yếu tố tổng hợp (*TFP*) trong GRDP khoảng 21,27%. Đến cuối năm 2020, GRDP bình quân đầu người ước đạt 54,085 triệu đồng (*tương đương 2.338 USD*), gấp 1,42 lần so với năm 2015. Qua đó cho thấy đời sống người dân ngày càng được nâng cao, nhiều mô hình sản xuất mới được hình thành, thay đổi cơ bản về phát triển kinh tế nông nghiệp, từng bước nâng cao thu nhập của người dân. *Tốc độ tăng trưởng bền vững và quy mô kinh tế của tỉnh ngày một tăng đã tạo nền tảng cho ngành thương mại của tỉnh phát triển, nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ngành thương mại; đồng thời thu nhập bình quân đầu người của tỉnh tăng nhanh là một trong những yếu tố tiềm năng tăng sức mua của thị trường nội địa.*

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng đóng góp của Khu vực II và Khu vực III. Năm 2020, Khu vực III chiếm 37,57% (tăng 0,24% so với năm 2015), đạt tốc độ tăng bình quân 6,75%/năm trong giai đoạn 2011-2015 và 5,71%/năm giai đoạn 2016-2020. Khu vực II đóng góp 19,62% (tăng 2,21% so với năm 2015), đạt tốc độ tăng bình quân 5,39%/năm trong giai đoạn 2011-2015 và 7,48%/năm giai đoạn 2016-2020 nhờ việc xây dựng các cơ sở chế biến lúa gạo gắn với cánh đồng liên kết trên địa bàn của H. Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười; phát triển cơ sở chế biến các sản phẩm sau gạo, sau cá tra và một số ngành khác. Khu vực I đóng góp 36,16% vào tổng cơ cấu (giảm 3,71% so với 2015). Tốc độ tăng trưởng ở mức độ trung bình trong giai đoạn 2011-2015 đạt khoảng 3,51%/năm; trong khi đó giai đoạn 2016-2020 tốc độ tăng trưởng của ngành chỉ đạt 5,39%; bên cạnh đó, ngành nông nghiệp chú trọng các vấn đề hợp tác, liên kết thị trường và xây dựng chuỗi ngành hàng cho 5 sản phẩm chủ lực: lúa gạo, cá tra, vịt, xoài, cây kiềng; các mô hình liên kết sản xuất – tiêu thụ; phát triển các mô hình cây ăn trái theo hướng VietGAP, chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, nạc hóa, nuôi trồng thủy sản theo hướng an toàn, sạch bệnh; nhân rộng mô hình liên kết sản xuất-tiêu thụ sang các lĩnh vực nuôi trồng khác; triển khai các cơ chế, chính sách; đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi, trạm bơm; hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật, cơ giới hóa. *Với nền nông nghiệp năng suất cao, ứng dụng công nghệ hiện đại sẽ cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định, đa dạng và chất lượng cao; từ đó tạo nguồn cung hàng hóa đáp ứng yêu cầu thị trường nội địa cũng như xuất nhập khẩu. Đồng thời, ngành công nghiệp chế biến phát triển theo hướng chuyên sâu, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao góp phần thúc đẩy giá trị gia tăng của doanh thu bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng cũng như kim ngạch xuất khẩu.*

Theo số liệu thống kê của tỉnh, đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có khoảng 4.200 doanh nghiệp đang hoạt động; so với năm 2010 số doanh nghiệp tăng lên 2,6 lần, bình quân mỗi năm thành lập mới khoảng 520 doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả, đóng góp đáng kể cho ngân sách và giải quyết việc làm cho nhiều lao động địa phương.

Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh của tỉnh được đánh giá cao. Đồng Tháp là tỉnh duy nhất có Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*PCI*) 11 năm liên tục nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Tỉnh đã hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị hiện đại và chuyên nghiệp, theo xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn gắn với các chuyên đề theo nhu cầu của doanh

ngiệp và xu hướng phát triển kinh tế mới; nhiều hiệp hội ngành hàng, câu lạc bộ doanh nghiệp dẫn đầu có tiềm lực được hình thành: Hiệp hội doanh nghiệp Tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ; Hội nữ doanh nhân Đồng Tháp,... Vì vậy, từ năm 2016 đến nay, nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu cơ hội hợp tác, có 129 dự án được cho cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nâng tổng số dự án đầu tư là 233 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là 19.994 tỷ đồng. *Với môi trường kinh doanh như trên đã tạo nền tảng và cơ hội cho phát triển cho ngành thương mại – dịch vụ của tỉnh.*

Đến năm 2020, tỉnh Đồng Tháp có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 3 thành phố và 9 huyện với 143 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 9 thị trấn, 19 phường và 115 xã, có 15 đô thị. Do điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh đã hình thành 03 phân vùng đô thị bao gồm vùng Cao Lãnh, vùng Hồng Ngự và vùng Sa Đéc. Đến nay, tỉnh đã hình thành hệ thống đô thị toàn vùng. Đô thị trung tâm tỉnh lỵ, các đô thị trung tâm hành chính của các huyện phần lớn đã hình thành và phát triển. Hầu hết các đô thị đều nằm trên các trục giao thông thuận lợi (QL30, 80, 54, N2, N1) có tính chiến lược phát triển, giao thương và trung chuyển hàng hóa với các tỉnh thành trong nước. Các khu trung tâm của các thị trấn chủ yếu phát triển chợ và khu vực hành chính, không gian kiến trúc đô thị các trục đường trung tâm bước đầu đã hình thành rõ nét. Với việc hình thành và phát triển các đô thị trong thời gian qua, đã tạo điều kiện cho việc lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh cũng như đến các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, làm tăng tỷ trọng đóng góp của ngành thương mại trong GRDP của tỉnh. Bên cạnh đó, về việc hình thành hệ thống đô thị toàn vùng, đô thị trung tâm tỉnh lỵ, đô thị trung tâm hành chính của các huyện sẽ tác động tích cực đến nhu cầu, thị hiếu, tập quán và sức mua hàng hóa của người dân trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện cho tỉnh hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại hiện đại.

4. Phân tích đánh giá và dự báo các yếu tố, điều kiện vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển thương mại, kinh tế biên giới, các ngành dịch vụ, sản xuất kinh doanh và phát triển dịch vụ logistics của tỉnh

4.1. Bối cảnh thế giới và khu vực

Việt Nam đã tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới (CPTPP, EVFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện (RCEP) và nhiều Hiệp định thương mại tự do khác...; Việt Nam tiếp tục thực hiện các cam kết trong Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)... là những yếu tố quan trọng thúc đẩy thương mại và đầu tư... ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội cả nước cũng như tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, khi hội nhập quốc tế Việt Nam sẽ thực hiện các cam kết mở cửa, trong khi doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp năng lực cạnh tranh chưa cao.

Xu hướng số hóa nền kinh tế và các hoạt động xã hội đang diễn tiến sâu sắc ở nhiều nước phát triển và diễn ra với tốc độ nhanh ở các nước đang phát triển. Sự phát triển của kinh tế số sẽ mang lại cơ hội cho nhiều doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ; đây là loại hình doanh nghiệp chiếm tỷ trọng khá lớn của tỉnh Đồng Tháp. Các nền tảng thương mại điện tử có thể đưa doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ đến với những thị trường lớn cả trong và ngoài nước. Công nghệ số sẽ làm thay đổi mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hoá, xã hội. Tuy nhiên, xu hướng hóa nền kinh

tế đòi hỏi nguồn lao động có trình độ, chất lượng cao, có khả năng ứng dụng công nghệ 4.0; đây cũng là thách thức đối với các doanh nghiệp ngành thương mại của tỉnh Đồng Tháp.

Xu thế dịch chuyển dòng vốn FDI đã và đang diễn ra, ngày càng thể hiện rõ nét hơn từ khi có đại dịch Covid-19. Các tập đoàn đa quốc gia muốn dịch chuyển đầu tư từ Trung Quốc sang các nước châu Á khác như Indonesia, Malaysia, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Philippines... Đồng Tháp có thể tận dụng làn sóng đầu tư vào Việt Nam để thu hút các dự án đầu tư phát triển ngành thương mại của tỉnh. Tuy nhiên, trong bối cảnh các điều kiện kinh tế toàn cầu hiện tại, nhiều nền kinh tế trong khu vực và các địa phương lân cận khác cũng đang cạnh tranh để thu hút đầu tư. Do đó, việc cạnh tranh với các địa phương trong vùng cũng như cạnh tranh với các nền kinh tế trong khu vực Đông Nam Á sẽ trở nên khó khăn hơn và đòi hỏi tỉnh Đồng Tháp phải có nhiều biện pháp tạo sự khác biệt.

Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chương trình nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững (SDGs) có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới. Những thách thức của tỉnh Đồng Tháp giữa phát triển về kinh tế và môi trường ngày càng gia tăng liên quan đến các thỏa thuận quốc tế, các công ước Việt Nam tham gia là thành viên, đặc biệt trong bối cảnh Tỉnh là hàng hóa nông sản và thực phẩm vào các thị trường càng ngày có yêu cầu cao.

4.2. Bối cảnh trong nước và vùng ĐBSCL

4.2.1. Bối cảnh trong nước

Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới;

Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tập trung vào sản xuất nông nghiệp hàng hoá, hiện đại, quy mô lớn; nông nghiệp hữu cơ; nông nghiệp hiệu quả cao, tối ưu hoá về giá trị nông nghiệp; phát triển công nghệ về giống; công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, xây dựng mạng đô thị vùng tạo động lực cho phát triển. Phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chủ động thích ứng, thực hiện hiệu quả các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; giải quyết vấn đề sạt lở bờ sông, bờ biển; xây dựng chiến lược tổng thể bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mêkong.

Liên quan phát triển ngành thương mại – dịch vụ, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước giai đoạn 2021 - 2030 đã nêu: Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực dịch vụ như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, y tế, giáo dục - đào tạo, viễn thông và công nghệ thông tin, logistics và vận tải, phân phối... Áp dụng chuẩn mực quốc tế cho các hoạt động kế toán, kiểm toán, ngân hàng thương mại... Xây dựng thương hiệu sản phẩm quốc gia. Thúc đẩy phát triển thương mại trong nước theo hướng hiện đại, tăng trưởng nhanh và bền vững, gắn với nâng cao uy tín, chất lượng hàng Việt Nam chinh phục người tiêu dùng Việt Nam, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng, an toàn thực phẩm; bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, người sản xuất, phân phối và người tiêu dùng. Đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất, nhập khẩu, không để phụ thuộc quá lớn vào một thị trường, bảo đảm cân bằng cán cân xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ. Có chính sách thương mại phù hợp với hội nhập quốc tế; nghiên cứu các biện pháp phòng vệ thích hợp để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng, không trái với các cam kết quốc tế.

Xét về vị trí, vai trò của tỉnh Đồng Tháp đối với cả nước, tỉnh Đồng Tháp xếp hạng 15/63 về quy mô dân số, hạng 30/63 về quy mô GDP, hạng 43/63 về bình quân GDP/người, hạng 57/63 về tăng trưởng GDP. Đây là cơ hội để tỉnh Đồng Tháp có thể khai thác, tận dụng những chính cơ chế chính sách chung để phát triển hạ tầng thương mại, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ, phát triển thị trường nội địa và xuất khẩu tiềm năng.

4.2.2. Bối cảnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nơi chiếm 20% dân số, 12% diện tích và đóng góp 18% GDP cả nước. Năm 2020 trong bối cảnh xảy ra đại dịch COVID-19, các địa phương vùng ĐBSCL đã nỗ lực (GRDP đạt 2,38%) góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong số ít quốc gia trên thế giới có mức tăng trưởng GDP dương trong năm 2020. Trong giai đoạn 2016-2020, tổng mức đầu tư từ ngân sách nhà nước dành gần 200 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 9 tỷ USD) chiếm khoảng 16% tổng đầu tư toàn quốc từ NSNN, Thu nhập bình quân đầu người của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2020 ước đạt 57 triệu đồng, tăng gấp rưỡi so với năm 2016. Như vậy, khả năng thị trường và các hoạt động thương mại của tỉnh Đồng Tháp sẽ tiếp tục được mở rộng do sự tăng lên và mở rộng của nhu cầu sản xuất, tiêu dùng.

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn là trung tâm sản xuất nông nghiệp lớn nhất của Việt Nam đóng góp 50% sản lượng lúa, 95% lượng gạo xuất khẩu, 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản, 60% sản lượng cá xuất khẩu và 70% các loại trái cây của cả nước, là khu vực có tầm quan trọng trong bảo đảm an ninh, chính trị, phát triển kinh tế của đất nước. Vì vậy Đồng Tháp có thể khai thác vùng nguyên liệu nông sản đa dạng, dồi dào và chất lượng của vùng, thông qua ngành công nghiệp chế biến chuyên sâu để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tạo thành các chuỗi giá trị nông sản phục vụ cho thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

- ĐBSCL là một phần địa lý của Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS). Tiểu vùng này gồm các đồng bằng trũng thấp của lưu vực sông Mekong và vùng cao của Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar và tiếp giáp với các tỉnh lân cận của nước CHND Trung Hoa và là nơi sinh sống của khoảng 330 triệu người. Khu vực này có một số thành phố đô thị lớn nhất, năng động nhất và phát triển nhanh ở Đông Nam Á, như Tp. HCM, Bangkok, Singapore, Kuala Lumpur, Côn Minh và nhiều thành phố lớn khác với hơn một triệu dân. Do đó, Đồng Tháp cũng sẽ được hưởng lợi từ các chương trình phát triển hạ tầng và liên kết sản xuất trong nội vùng; qua đó Đồng Tháp sẽ tiếp tục củng cố tăng trưởng khu vực thương mại - dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, mối quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Campuchia là mối quan hệ có tầm quan trọng chiến lược sẽ tạo điều kiện cho tỉnh Đồng Tháp phát triển kinh tế biên mậu.

Do gần với vùng Tp.HCM, là cửa ngõ chính của quốc gia ở phía nam nên ĐBSCL có quan hệ kinh tế, thương mại, di cư và du lịch đặc biệt với Tp.HCM và vùng Đông Nam Bộ. Tp.HCM với vị trí chiến lược về thương mại cùng với ĐBSCL là khu vực tâm điểm với khoảng cách 2.000 km đến thủ đô của các nước ASEAN. Cho đến nay, ĐBSCL nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng vẫn phụ thuộc một phần vào Tp.HCM, vốn là nơi tiêu thụ, chế biến, giao dịch hoặc tiếp thị phần lớn sản phẩm chính của vùng, cũng như các dịch vụ logistics liên quan. Với lợi thế địa kinh tế và tiềm lực kinh tế, nhiều hoạt động kinh doanh tại Tp.HCM có liên quan đến chặt chẽ với vùng ĐBSCL nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng.

4.2.3. Tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai dịch bệnh

a) Tác động thiên tai dịch bệnh

Tình hình thiên tai, dịch bệnh trên người, vật nuôi diễn biến phức tạp như dịch tả lợn châu phi, đại dịch Covid - 19 sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại của tỉnh, đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu. Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có khả năng kéo dài sang đầu thập niên 20; làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới.

b) Tác động biến đổi khí hậu

Trong thời gian tới, biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục diễn biến khó lường và những tác động bất lợi sẽ ngày càng nghiêm trọng, Theo báo cáo mới được công bố của Viện Toàn cầu McKinsey, do tác động của biến đổi khí hậu, các nước Đông Nam Á sẽ tổn thất khoảng 8% - 13% GDP mỗi năm cho đến năm 2050. Ở Việt Nam, do tác động của biến đổi khí hậu, tần suất xuất hiện các hiện tượng thời tiết cực đoan diện rộng dày hơn. Khu vực ĐBSCL sẽ phải đối mặt với tình trạng xâm nhập mặn và tình trạng ngập lũ hạ lưu sông Mekong với quy mô lớn. ĐBSCL là vựa lúa lớn nhất nước và có thế mạnh về nuôi trồng thủy sản nên 2 lĩnh vực này sẽ chịu tác động mạnh nhất khi quá trình xâm nhập mặn làm thay đổi môi trường đất và nguồn nước. Hệ sinh thái rừng ngập mặn cũng sẽ chịu tác động xấu khi chế độ nước ngập sâu bị thay đổi do

nước biển dâng cao. Quá trình xâm nhập mặn ở mức độ cao có thể hủy diệt thảm thực vật và tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng. Trong tình hình đó, nếu nước biển dâng cao, an ninh lương thực quốc gia sẽ bị đe dọa và đời sống nông dân nghèo trong khu vực sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu còn ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật các ngành nói chung và ngành thương mại nói riêng. Ngoài ra, biến đổi khí hậu tạo ra những làn sóng di cư, từ đó ảnh hưởng đến nguồn lao động của ngành. Đồng Tháp cũng là 1 tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cũng sẽ chịu những tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu vì vậy trong giai đoạn sắp tới cần có những giải pháp ứng phó với việc biến đổi khí hậu.

Chương III

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI, KINH TẾ BIÊN GIỚI, CÁC NGÀNH DỊCH VỤ, SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS CỦA TỈNH

1. Thực trạng phát triển thương mại

1.1. Tổng quan về hiện trạng phát triển thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển khá, tăng trưởng GRDP khu vực dịch vụ bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt 12,84%; trong đó giai đoạn 2011 - 2020 đạt 6,75%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,71%/năm. Hệ thống phân phối hàng hóa nội tỉnh ngày càng đa dạng với chuỗi các chợ truyền thống, các siêu thị, cửa hàng bách hóa tổng hợp được hình thành và phát triển rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Trong giai đoạn 2016-2020, khu vực thương mại - dịch vụ có sự chuyển biến tích cực, chiếm tỷ trọng 37,57% trong năm 2020 so với năm 2015 là 37,33%. Giai đoạn 2011-2020, so với vùng ĐBSCL thì tỷ trọng giá trị GRDP của khu vực phi nông nghiệp của tỉnh đứng thứ 8/13 tỉnh và thành phố trong vùng.

1.2. Hiện trạng phát triển doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh cá thể thương mại

Số doanh nghiệp hoạt động ngành thương mại có xu hướng tăng qua các năm. Năm 2019, tổng số doanh nghiệp hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh đạt 1.477 cơ sở, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 – 2019 đạt 12,25%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 đạt 14,47%/năm, giai đoạn 2016 – 2019 đạt 9,54%/năm. Số cơ sở cá thể hoạt động ngành thương mại dịch vụ có chiều hướng tăng nhưng mức tăng thấp hơn số doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 – 2019 đạt 2,6%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 đạt 3,23%/năm, giai đoạn 2016 – 2019 đạt 1,81%/năm. Điều này chứng tỏ môi trường kinh doanh của tỉnh tốt, nên đã thu hút được các doanh nghiệp đầu tư.

Bảng 1: Số doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh cá thể ngành thương mại

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh năm 2020)

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2019	BQGD 2011 – 2015 (%)	BQGD 2016 – 2019 (%)
1	Số DN	cơ sở	522	1.026	1.477	14,47	9,54
2	Cơ sở cá thể	cơ sở	43.041	50.459	54.203	3,21	1,81

1.3. Lao động ngành thương mại

Tổng số lao động ngành thương mại đang làm việc tại các doanh nghiệp năm 2019 là 8.686 người và tại các cơ sở kinh tế cá thể là 84.641 người. Tốc độ tăng trưởng bình quân lao động tại doanh nghiệp giai đoạn 2011 – 2019 đạt 6,38%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 đạt 4,63%/năm, giai đoạn 2016 – 2019 là 8,61%/năm. Đối với các cơ sở kinh doanh cá thể, tốc độ tăng trưởng bình quân lao động của các cơ sở kinh doanh cá thể giai đoạn 2011 – 2019 đạt 1,62%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 đạt 1,42%/năm và giai đoạn 2016 – 2019 đạt 1,88%/năm.

Bảng 2: Số lao động tại doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh cá thể ngành thương mại
(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh năm 2020)

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2019	BQGD 2011 – 2015 (%)	BQGD 2016 – 2019 (%)
1	Lao động tại DN	Người	4.978	6.242	8.686	4,63	8,61
2	Lao động tại các cơ sở kinh tế cá thể	người	73.230	82.413	84.641	1,42	1,88

1.4. Hoạt động thương mại nội địa

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt 94.195 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 – 2020 đạt 15,92%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 đạt 23,45%, giai đoạn 2016 – 2020 đạt 8,85%/năm.

Xét theo ngành, giai đoạn 2016 – 2020 tổng mức bán lẻ tăng 9,36%/năm, dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 6,11%, dịch vụ khác tăng 8,67%/năm, riêng dịch vụ lữ hành tăng trưởng âm do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên hạn chế việc đi lại của du khách. Tổng mức bán lẻ hàng hóa chiếm tỷ trọng đến 80,09%.

Bảng 3: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020)

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 – 2015 (%)	BQGD 2016 – 2020 (%)
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	triệu đồng	21.502.310	61.654.504	94.195.723	23,45	8,85

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 – 2015 (%)	BQGD 2016 – 2020 (%)
1.1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	triệu đồng	21.502.310	48.240.494	75.443.757	17,54	9,36
1.2	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	triệu đồng		9.139.274	12.296.429		6,11
1,3	Du lịch lữ hành	triệu đồng		26.541	16.859		-8,68
1.4	Dịch vụ khác	triệu đồng		4.248.195	6.438.678		8,67
2	Cơ cấu			100,00	100,00		
2.1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	%	100	78,24	80,09		
2.2	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	%	0	14,82	13,05		
2.3	Du lịch lữ hành	%	0	0,04	0,02		
2.4	Dịch vụ khác	%	0	6,89	6,84		

Tổng mức bán lẻ hàng hoá năm 2020 đạt 75.443 tỷ đồng, tăng bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt 13,37%/năm; trong đó bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 17,54%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 là 9,36%/năm. Xét theo thành phần kinh tế, hoạt động thương mại nội địa chủ yếu là khu vực ngoài nhà nước (chiếm tỷ trọng 98,74%). Giai đoạn 2015 - 2019, mặc dù tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài khá thấp, nhưng đã thể hiện tình có sự nỗ lực rõ rệt trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước vào lĩnh vực bán lẻ, và đạt tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,36%/năm. Xét theo nhóm hàng, nhóm hàng lương thực thực phẩm, đồ dùng trang thiết bị gia đình, gỗ và vật liệu xây dựng, hàng may mặc là những nhóm hàng chiếm tỷ trọng cao và có tốc độ tăng trưởng khá cao (trên 10%); đặc biệt hàng may mặc và vật phẩm văn hóa mặc dù hiện nay chiếm tỷ trọng thấp (dưới 5%) nhưng lại có tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 rất cao do đó đây là những mặt hàng tiềm năng, tỉnh cần chú trọng khai thác.

Bảng 4: Tổng mức bán lẻ hàng hóa (Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp năm 2020)

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 - 2015	BQGD 2016 - 2020
1	Phân theo TPKT	Triệu đồng	21.502.310	48.240.494	75.443.757	17,54	9,36
1.1	Nhà nước	Triệu đồng	666.193	473.220	951.943	-6,61	15,00
1.2	Ngoài nhà nước	Triệu đồng	20.836.117	47.766.800	74.491.814	18,05	9,29
1.3	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Triệu đồng		474			-100,00
2	Phân theo nhóm hàng		21.502.310	48.240.494	75.443.757	17,54	9,36
2.1	Lương thực, thực phẩm	Triệu đồng	8.537.092	21.712.187	33.670.812	20,53	9,17
2.2	Hàng may mặc	Triệu đồng	1.027.815	1.339.088	3.288.270	5,43	19,68
2.3	Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	Triệu đồng	2.576.577	3.143.362	9.151.187	4,06	23,83
2.4	Vật phẩm văn hóa	Triệu đồng	199.563	202.772	620.269	0,32	25,06
2.5	Gỗ và vật liệu xây dựng	Triệu đồng	1.169.166	5.169.006	9.530.278	34,62	13,02
2.6	O tô con 12 chỗ và phương tiện đi lại	Triệu đồng	1.012.318	1.952.169	5.293.592	14,04	22,08
2.7	Xăng dầu các loại và nhiên liệu khác	Triệu đồng	1.377.337	3.844.583	5.614.672	22,79	7,87
2.8	Sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	Triệu đồng	329.378	523.460	665.729	9,71	4,93
2.9	Hàng hóa	Triệu	5.273.064	10.353.867	7.608.948	14,45	-5,97

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 - 2015	BQGD 2016 - 2020
	<i>khác</i>	<i>đồng</i>					
3	Cơ cấu theo loại hình kinh tế	%	100,00	100,00	100,00		
3.1	<i>Nhà nước</i>	%	3,10	0,98	1,26		
3.2	<i>Ngoài nhà nước</i>	%	96,90	99,02	98,74		
3.3	<i>Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài</i>	%	-	0,00	-		
4	Cơ cấu phân theo nhóm hàng	%	100,00	100,00	100,00	-	-
4.1	<i>Lương thực, thực phẩm</i>	%	39,70	45,01	44,63		
4.2	<i>Hàng may mặc</i>	%	4,78	2,78	4,36		
4.3	<i>Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình</i>	%	11,98	6,52	12,13		
4.4	<i>Vật phẩm văn hóa</i>	%	0,93	0,42	0,82		
4.5	<i>Gỗ và vật liệu xây dựng</i>	%	5,44	10,72	12,63		
4.6	<i>O tô con 12 chỗ và phương tiện đi lại</i>	%	4,71	4,05	7,02		
4.7	<i>Xăng dầu các loại và nhiên liệu khác</i>	%	6,41	7,97	7,44		
4.8	<i>Sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác</i>	%	1,53	1,09	0,88		

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 - 2015	BQGD 2016 - 2020
4.9	Hàng hóa khác	%	24,52	21,46	10,09		

1.5. Hoạt động xuất, nhập khẩu

1.5.1. Hoạt động xuất khẩu

Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng tốt, giá trị xuất khẩu hàng hóa năm 2020 đạt trên 1,135 tỷ USD, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 – 2020 đạt 6,66%/năm; trong đó bình quân giai đoạn 2011 – 2025 đạt 6,73%/năm, bình quân giai đoạn 2016 – 2020 đạt 6,59%/năm, góp phần nâng cao chuỗi giá trị ngành hàng thủy sản chế biến, lúa gạo theo hướng toàn cầu hóa; nhiều sản phẩm trái cây (*nhãn, xoài,...*) đã đáp ứng được các tiêu chuẩn của nhiều thị trường nhập khẩu, mở ra thêm cơ hội hội nhập quốc tế của nông dân Đồng Tháp.

Hiện nay, mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh là hàng thủy sản (chiếm 63,45%). Giai đoạn 2016 – 2020, cơ cấu mặt hàng của tỉnh đã được đa dạng hóa và có giá trị gia tăng cao hơn, thể hiện qua tỷ lệ nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp (chiếm 8,86%), nhóm hàng khác (chiếm 14,64%); và đây cũng là những nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng khá cao trong giai đoạn 2016 – 2020, nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 26,1%/năm và nhóm hàng thủy sản tăng 13,96%/năm.

Đồng Tháp có khoảng 45 doanh nghiệp xuất khẩu với các mặt hàng gạo, thủy sản, dệt may, sản phẩm sau gạo, dược... Đối với mặt hàng thủy sản, mỗi năm đều tăng trưởng về số lượng và giá trị xuất khẩu, do sản phẩm cá tra xuất khẩu được người tiêu dùng thế giới ưa chuộng. Đối với mặt hàng gạo, từ năm 2010 đến nay thị trường tiêu thụ không ổn định do tình hình chung, áp lực nguồn cung dồi dào, tồn kho các nước xuất khẩu ở mức cao trong khi các nước nhập khẩu tăng cường chính sách sản xuất trong nước, nhập khẩu cầm chừng gây khó khăn rất lớn cho hoạt động xuất khẩu của tỉnh. Các mặt hàng khác như bánh phồng tôm, các sản phẩm sau gạo, dệt may, dược phẩm... tăng trưởng nhưng giá trị không đáng kể và chiếm tỷ lệ rất nhỏ không tác động đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của tỉnh.

Hàng hóa xuất khẩu của Đồng Tháp đã có mặt trên 140 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của tỉnh tập trung 03 thị trường chính là Châu Mỹ (41%); Châu Á (38%) và Châu Âu (15%). Giai đoạn 2011-2016 có sự dịch chuyển thị trường, đối với thị trường Châu Á chiếm thị phần mỗi năm đều tăng, Châu Âu giảm dần và Châu Mỹ tăng nhẹ.

Bảng 5: Kim ngạch xuất khẩu (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020)

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 - 2015	BQGD 2016 - 2020
----	----------	-----	------	------	------	------------------------	------------------------

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 - 2015	BQGD 2016 - 2020
1	Kim ngạch XK	<i>1.000 USD</i>	595.903	825.337	1.135.456	6,73	6,59
2	Theo hình thức XK						
2.1	<i>Trực tiếp</i>	<i>1.000 USD</i>	527.447	701.871	1.135.456	5,88	10,10
2.2	<i>Ủy thác</i>	<i>1.000 USD</i>	65.456	123.466	-	13,53	
3	Phân theo nhóm hàng						
3.1	<i>Công nghiệp nặng và khoáng sản</i>	<i>1.000 USD</i>	-	-			
3.2	<i>Hàng CN nhẹ và tiểu thủ CN</i>	<i>1.000 USD</i>	15.311	48.818	26,10	15,57	26,10
3.3	<i>Hàng nông sản</i>	<i>1.000 USD</i>	110.510	88.156	-4,42	10,99	-4,42
3.4	<i>Hàng lâm sản</i>	<i>1.000 USD</i>	-	-			
3.5	<i>Hàng thủy sản</i>	<i>1.000 USD</i>	307.628	591.346	13,96	4,03	13,96
3.6	<i>Hàng khác</i>	<i>1.000 USD</i>	162.454	97.017	-9,80	11,32	-9,80
4	Cơ cấu theo hình thức xuất khẩu						
4.1	<i>Trực tiếp</i>	%	88,96	85,04	100,00		
4.2	<i>Ủy thác</i>	%	11,04	14,96	-		
5	Cơ cấu theo nhóm hàng						
5.1	<i>Công nghiệp nặng và khoáng sản</i>	%	-	-	-		
5.2	<i>Hàng CN nhẹ và tiểu thủ CN</i>	%	2,57	5,91	8,86		
5.3	<i>Hàng nông sản</i>	%	18,54	10,68	13,08		
5.4	<i>Hàng lâm sản</i>	%	-	-	-		
5.5	<i>Hàng thủy sản</i>	%	51,62	71,65	63,45		
5.6	<i>Hàng khác</i>	%	27,26	11,75	14,61		

Bảng 6: Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu (Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp 2020)

Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020
- Gạo	Tấn	252.280	251.627	324.448
- Thủy sản đông lạnh	Tấn	119.309	250.158	325.578
- Hàng may mặc	1.000 USD	9.391	18.939	84.374
- Bánh phồng tôm	Tấn	4.397	11.301	11.808
- Hàng hóa khác	1.000 USD	162.454	75.645	165.867

1.5.2. Hoạt động nhập khẩu

Hoạt động nhập khẩu được bảo đảm, đáp ứng nhu cầu về nguyên, vật liệu sản xuất, các mặt hàng tiêu dùng cho đời sống thiết yếu. Kim ngạch nhập khẩu năm 2020 là 291.808 ngàn USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2011 – 2019 là -10,66%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 là -6,59%/năm, giai đoạn 2016 – 2020 là -4,36%/năm. Nguyên nhân là do đại dịch Covid-19 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến việc nhập khẩu nguyên liệu cũng như hàng hóa tiêu dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất.

Nhìn chung trong giai đoạn 2015-2020 các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho sản xuất (chiếm 68,57%), các mặt hàng tiêu dùng (chiếm 31,43%) phục vụ cho đời sống thiết yếu (y tế, thuốc tân dược, hàng vải may mặc và một số mặt hàng khác) ngày càng gia tăng tỷ trọng trong nhập khẩu thể hiện nhu cầu và mức sống của người dân ngày càng gia tăng; tuy nhiên tỷ trọng của máy móc, thiết bị chuyên dùng còn thấp, thể hiện phát triển công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh còn kém.

Bảng 7: Trị giá kim ngạch nhập khẩu (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020)

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 - 2015	BQGD 2016 - 2020
1	Giá trị nhập khẩu	<i>1.000 USD</i>	512.744	364.594	291.808	-6,59	-4,36
1.1	Tư liệu sản xuất	<i>1.000 USD</i>	470.967	234.466	200.099	-13,02	-3,12
	- Nguyên, nhiên, vật liệu	<i>1.000 USD</i>	470.967	234.466	200.099	-13,02	-3,12
1.2	Hàng tiêu dùng	<i>1.000 USD</i>	41.777	130.128	91.709	25,51	-6,76
	- Hàng y tế	<i>1.000 USD</i>	37.951	36.985	37.454	-0,51	0,25

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 - 2015	BQGD 2016 - 2020
	- Hàng khác	1.000 USD	3.826	93.143	54.255	89,36	-10,25
2	Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu						
	- Xăng, dầu	Tấn	677.297	718.313	274.293		
	- Phân bón	Tấn	15.235	-	206.530		
	- SX Tân dược	1.000 USD	37.951	36.985	37.255		
	- Vải may mặc	1.000 USD	5.235	12.419	55.627		
	- Hàng khác	1.000 USD	3.826	73.300	54.255		
3	Cơ cấu	%	100,00	100,00	100,00		
3.1	Tư liệu sản xuất	%	91,85	64,31	68,57		
	- Nguyên, nhiên, vật liệu	%	91,85	64,31	68,57		
3.2	Hàng tiêu dùng	%	8,15	35,69	31,43		
	- Hàng y tế	%	7,40	10,14	12,84		
	- Hàng khác	%	0,75	25,55	18,59		

1.6. Ứng dụng thương mại điện tử

Trong những năm gần đây, tỉnh Đồng Tháp đặc biệt chú trọng đến việc ứng dụng thương mại điện tử. Đến năm 2020 có 265 sản phẩm đặc sản địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử. Đặc biệt, các sản phẩm OCOP được đánh giá, xếp hạng đạt từ 3 - 4 sao ngoài phân phối theo kênh truyền thống, các sản phẩm đều có thị trường tiêu thụ ổn định trên các trang điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử. Triển khai mô hình “Thương mại điện tử xuyên biên giới”, các doanh nghiệp có tiềm năng xuất khẩu nông sản đã được hỗ trợ đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế, qua đó thúc đẩy xuất khẩu nông sản.

Để hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, tỉnh đã tổ chức thu thập và xây dựng danh sách, số hóa dữ liệu hộ sản xuất nông nghiệp, cũng như xác định sản phẩm và thông tin đăng bán trên nền tảng sàn thương mại điện tử. Đồng thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn các hộ sản xuất nông nghiệp khởi tạo tài khoản, đăng bán sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, kèm theo các kỹ năng cần thiết phục vụ bán hàng và quảng bá sản phẩm trên nền tảng số; đồng hành, hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp liên tục nâng cấp, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm địa phương; thực hiện

marketing, quảng cáo bán lẻ sản phẩm nông nghiệp qua sàn thương mại điện tử nội địa và quốc tế thông qua các chương trình xúc tiến thương mại...

Bên cạnh đó, công tác kết nối thị trường, hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp đẩy mạnh tiêu thụ nông sản; cung cấp thông tin đến các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh để nghiên cứu tham gia sàn thương mại điện tử cũng được triển khai thực hiện. Triển khai việc cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ cho các hộ sản xuất nông nghiệp để định hướng sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, kết nối với các sàn thương mại điện tử.

1.7. Kinh tế biên giới

Đồng Tháp có 02 cửa khẩu quốc tế, 05 cửa khẩu phụ là cửa ngõ giao thương với Campuchia; trên tuyến biên giới có 17 chợ đang hoạt động, trong đó 03 chợ cửa khẩu, 06 chợ biên giới và 08 chợ thuộc khu kinh tế cửa khẩu. Nhìn chung tình hình giao thương giữa 2 tỉnh còn nhiều hạn chế do đặc điểm về địa lý cách trở bởi sông rạch, hạ tầng giao thông kém, dân cư thưa thớt, kinh tế xã hội phía Campuchia kém phát triển, do đó hoạt động kinh tế biên mậu còn yếu.

Hoạt động thương mại biên giới những năm gần đây phát triển do việc tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế và phát huy truyền thống láng giềng hữu nghị với nước bạn Campuchia góp phần mở rộng giao lưu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống của người dân khu vực biên giới.

Tuy nhiên, hoạt động thương mại biên giới còn có nhiều khó khăn: thu nhập của người dân 2 bên biên giới còn thấp, dân cư thưa thớt, sức mua yếu; hạ tầng giao thông biên giới còn yếu, cản trở quá trình phát triển thương mại. Tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Prâyveng (Campuchia) là 2 tỉnh thuộc vùng khó khăn trong việc thu hút đầu tư, phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương. Chính sách mặt hàng xuất nhập khẩu qua biên giới thay đổi cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động thương mại qua biên giới. Cặp cửa khẩu quốc tế Dinh Bà (Đồng Tháp) – Bontiacháccrây (Prâyveng) chưa được bổ sung vào Hiệp Định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định Vận tải đường bộ giữa 2 nước Việt Nam – Campuchia, điều này khó khăn cho hoạt động xuất nhập cảnh tại cặp cửa khẩu này.

Về hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới: năm 2020 kim ngạch xuất khẩu đạt 75 triệu USD (8,4% tổng kim ngạch xuất khẩu); kim ngạch nhập khẩu đạt 25 triệu USD (5,5% tổng kim ngạch nhập khẩu).

Về hoạt động mua bán hàng hoá qua mạng lưới chợ: các chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu đã được xây dựng khá kiên cố, tuy nhiên việc mua bán trao đổi hàng hoá ở các chợ này chủ yếu là những mặt hàng thiết yếu phục vụ cho cư dân tại chỗ như thực phẩm tươi sống và khô, tạp hóa, quần áo và một số mặt hàng nông sản tự sản tự tiêu, nên lượng hàng hoá không nhiều, doanh thu còn thấp.

➤ ***Nguyên nhân kinh tế biên giới của tỉnh chưa phát huy được hết tiềm năng, lợi thế là do:***

- Việc nâng cấp hạ tầng logistics, xúc tiến thương mại... để theo kịp với nhu cầu giao thương giữa khu vực biên giới và các nước láng giềng.
- Công tác quy hoạch đầu tư phát triển tại khu vực biên giới còn nhiều bất cập về chất lượng quy hoạch, thiếu tính dự báo, thiếu căn cứ lập kế hoạch.
- Chưa có nhiều ưu đãi đột phá, nên khó thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

1.8. Đóng góp ngành thương mại - dịch vụ trong phát triển kinh tế - xã hội

- Tỷ trọng ngành thương mại – dịch vụ chiếm trên 30% trong tổng GRDP của toàn tỉnh và có chiều hướng tăng dần qua các năm. Số liệu cho thấy tỷ trọng ngành thương mại dịch vụ trong tổng GRDP của tỉnh năm 2010, 2015 và 2020 lần lượt là 33,84%, 37,33% và 37,57%.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành thương mại – dịch vụ khá cao, trên 7%. Đồng thời, tỷ trọng đóng góp ngành thương mại - dịch vụ trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2010 là 33,8% và năm 2015 là 40,23%, cho thấy chiều hướng tăng trong những năm gần đây. Tuy nhiên, năm 2020 do ảnh hưởng dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng đóng góp của ngành thương mại – dịch vụ bị sụt giảm mạnh. Nhìn tổng thể cả giai đoạn 2010 -2020, ngành thương mại – dịch vụ có tác động đến quy mô và động thái tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế thông qua các hoạt động mua bán sỉ và lẻ, xuất nhập khẩu.

- Năm 2020 tỷ lệ xuất khẩu so với tổng GRDP chiếm khoảng 30,35% GRDP; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu chiếm 38,15% GRDP. Có thể thấy trong toàn ngành thương mại, lĩnh vực xuất khẩu đóng góp quan trọng vào tổng thể kinh tế chung của tỉnh.

- Bên cạnh đó, ngành thương mại – dịch vụ cũng góp phần giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. Tổng số lao động ngành thương mại – dịch vụ làm việc tại doanh nghiệp năm 2010 là 4.978, năm 2015 là 6242 và năm 2019 là 8.686 người. Tương tự, các cơ sở kinh tế cá thể lĩnh vực thương mại – dịch vụ cũng thu hút khá nhiều lao động.

- Ngoài ra thương mại – dịch vụ còn là lĩnh vực hỗ trợ phát triển cho ngành nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và các lĩnh vực dịch vụ khác trên phương diện tiêu thụ sản phẩm, tăng cường mua bán hàng hóa. Đồng thời góp phần nâng cao đời sống của người dân thông qua việc gia tăng thu nhập và tiêu dùng xã hội, tăng cường giao lưu kinh tế, góp phần phát triển nông thôn theo định hướng xây dựng xã nông thôn mới...

Bảng 8: Đóng góp ngành thương mại – dịch vụ trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020 và tính toán của nhóm nghiên cứu)

Chỉ tiêu	2010	2015	2020
1. Tỷ trọng ngành TMDV trong GRDP (%)	33,84	37,33	37,57
2. Tăng trưởng ngành TMDV	7,92	7,24	0,07
3. Điểm % đóng góp ngành TMDV trong tăng trưởng GRDP của tỉnh	3,36/9,94	2,43/6,04	0,02/2,5
4. Tỷ trọng đóng góp ngành TMDV trong tăng trưởng GRDP của tỉnh (%)	33,80	40,23	0,80

5. Kim ngạch XK/GRDP (%)	38,38	30,86	30,35
6. Kim ngạch XNK/GRDP (%)	71,40	44,49	38,15
7. Lao động tại doanh nghiệp lĩnh vực thương mại - dịch vụ (người)	4.978	6.242	
8. Lao động tại cơ sở kinh tế cá thể lĩnh vực thương mại - dịch vụ (người)	73.230	78.570	78.50

1.9. Thực trạng phát triển hạ tầng thương mại

➤ Mạng lưới chợ

Đến năm 2020, tổng số chợ trên địa bàn tỉnh là 182 chợ (6 chợ hạng 1, 26 chợ hạng 2, 150 chợ hạng 3); trong đó có 4 chợ đầu mối chuyên doanh. Hầu hết các chợ trên địa bàn đã phủ kín lưới điện trung, hạ thế, đảm bảo phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh tại chợ, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước trong phạm vi chợ cũng được đầu tư cơ bản hoàn chỉnh. Ngoài ra, còn có 55 điểm kinh doanh tự phát.

Bảng 9: Số lượng chợ (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020)

Hạng mục	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019	2020
I. Tổng số chợ theo phân hạng	chợ	187	187	187	187	179	182
Hạng 1	chợ	13	13	13	13	6	6
Hạng 2	chợ	29	29	29	29	26	26
Hạng 3	chợ	145	145	145	145	147	150
II. Điểm kinh doanh tự phát	điểm	44	44	44	44	59	55

➤ Trung tâm thương mại, siêu thị

Trên địa bàn tỉnh có 9 siêu thị; trong đó có 7 siêu thị tổng hợp (siêu thị Vinafood Mart, siêu thị Vin.Mart, siêu thị Coop.Mart Cao Lãnh, Coop.Mart Sa Đéc, Coop.Mart TP Hồng Ngự, Coop.Mart Tháp Mười). Về trung tâm thương mại, hiện nay tỉnh có 1 trung tâm thương mại hạng 3. Xét theo hạng, Đồng Tháp có 4 siêu thị hạng 2, 5 siêu thị hạng 3. Hầu hết các siêu thị tập trung ở các đô thị (TP. Cao Lãnh, TP. Sa Đéc, TP Hồng Ngự) nên hạ tầng được đầu tư xây dựng đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và tiện ích cho người tiêu dùng, thúc đẩy văn minh thương mại, nâng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước đạt gần 102.000 tỷ đồng, tăng bình quân 10,51%/năm. Tuy nhiên, đa phần các siêu thị, trung tâm thương mại đều thuộc khu vực ngoài nhà nước (chiếm 90%). Hoạt động giao thương với các tỉnh, thành trong và ngoài nước được mở rộng, các sản phẩm nông sản, nông sản qua chế biến, mặt hàng tiểu thủ công nghiệp được kết nối và phân phối vào các hệ thống bán lẻ lớn trong cả nước như: Hệ thống siêu thị Co.op Mart, VinMart, Big C, VinafoodMart... Đồng thời, Tỉnh đã đưa vào hoạt động Trung tâm đặc sản và du lịch Đồng Tháp tại Hà Nội. Bên cạnh hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, tỉnh còn có 61 cửa hàng tiện lợi.

Bảng 10: Số lượng siêu thị, trung tâm thương mại (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020)

Hạng mục	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019	2020
TỔNG SỐ	Đơn vị	11	11	11	11	11	10
<i>Phân theo thành phần kinh tế</i>							
Nhà nước	đơn vị	1	1	1	1	1	1
Ngoài Nhà nước	đơn vị	10	10	10	10	10	9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	đơn vị	-	-	-	-	-	-
<i>Phân theo quy mô</i>							
Hạng I	đơn vị	-	-
Hạng II	đơn vị					4	4
Hạng III	đơn vị					7	6

➤ **Mạng lưới cửa hàng kinh doanh xăng dầu**

Cửa hàng bán lẻ xăng dầu: Trên địa bàn tỉnh có 512 cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Petimex) đã đầu tư tổng kho cảng dầu mới Trần Quốc Toàn: 8 bồn, sức chứa 31.500 m³; kho xăng dầu tuyến sau Trường Xuân: 4 bồn, sức chứa 1.000 m³; các Công ty con của Petimex có các kho xăng dầu tuyến sau với tổng dung lượng bồn chứa 4.187 m³, kho gas Trần Quốc Toàn 150 tấn.

Mạng lưới kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG): Hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có 4 trạm nạp LPG (huyện Cao Lãnh, Huyện Châu Thành, Thành phố Cao Lãnh, Thành phố Sa Đéc).

Nhìn chung, hệ thống phân phối xăng dầu, khí đốt ngày trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu về nhiên liệu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Tuy nhiên, quá trình phát triển hệ thống phân phối xăng dầu, khí đốt trên địa bàn Tỉnh còn một số hạn chế như:

- Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu và khí hóa lỏng LPG hầu hết có quy mô và sức chứa nhỏ, chủ yếu đáp ứng đủ nhu cầu nhiên liệu cho tiêu dùng và sản xuất chế biến nông - lâm - thủy sản trên địa bàn Tỉnh;

- Tỉnh có đường biên giới giáp Campuchia là điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu xăng dầu. Tuy nhiên, trong quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 13/7/2017), tỉnh Đồng Tháp có 01 Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn tại Phường 11, thành phố Cao Lãnh.

1.10. Thực trạng đầu tư phát triển thương mại – dịch vụ

Vốn đầu tư thực hiện cho ngành thương mại – dịch vụ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 – 2020 có xu hướng tăng qua các năm, với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 – 2020 đạt 11,42%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 là 14,97%/năm, giai đoạn 2016 – 2020 đạt 7,98%/năm. Tuy nhiên, do năm 2020, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên hoạt động đầu tư vào ngành thương mại bị giảm sút mạnh dẫn đến tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư ngành thương mại giai đoạn 2016 – 2019 giảm so với giai đoạn trước.

Tỷ trọng vốn đầu tư thực hiện cho ngành thương mại – dịch vụ trong tổng vốn đầu tư có xu hướng tăng qua các năm; điều này cho thấy tỉnh rất quan tâm đến việc đầu tư phát triển ngành thương mại. Cụ thể, năm 2010 tỷ trọng vốn đầu tư cho ngành thương mại chiếm 49,48% và đã tăng lên 72% vào năm 2015 và đạt 77,49% năm 2020.

Về hiệu quả vốn đầu tư, những năm 2010 – 2015, chỉ số ICOR ngành thương mại dao động trong khoảng 5 - 8. Trong giai đoạn 2016 – 2020, chỉ số ICOR có chiều hướng tăng dần. Điều này cho thấy rằng đầu tư vào ngành thương mại trên địa bàn tỉnh chưa đạt hiệu quả tương xứng.

Bảng 11: Vốn đầu tư ngành thương mại – dịch vụ (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020)

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020	BQGD 2011 - 2015	BQGD 2016 - 2020
1	Vốn đầu tư TM-DV (giá ss 2010)	Triệu đồng	3.612.002	7.255.275	10.649.179	14,97	7,98
2	GRDP ngành TM-DV (giá ss 2010)	Triệu đồng	10.249.880	14.207.704	18.753.097	6,75	5,71
3	ICOR			7,56	801,53	7,02	11,17
4	Vốn đầu tư TM-DV (giá hiện hành)	Triệu đồng	3.612.002	9.127.862	437.554		
5	Tỷ trọng vốn đầu tư TM-DV	%	49,48	72,00	77,49		

1.11. Tình hình thực hiện quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh giai đoạn 2011-2020.

- Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giai đoạn 2016 - 2020 theo quy hoạch được phê duyệt là 13%/năm, thực tế đạt 11,6%/năm
- Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 theo quy hoạch được phê duyệt là 4,5%/năm, thực tế đạt 8,22%/năm
- Tốc độ tăng trưởng VA ngành thương mại giai đoạn 2016 - 2020 theo quy hoạch được phê duyệt là trên 10%/năm, thực tế đạt 6,52%/năm.
- Cơ cấu ngành thương mại – dịch vụ giai đoạn 2016 – 2020 theo quy hoạch là đạt gần 40%, thực tế khoảng 38,18%.

1.12. Đánh giá những tồn tại, hạn chế và bài học kinh nghiệm

Do tác động dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến hoạt động thương mại của tỉnh, thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực thương mại.

- Trong quá trình suy thoái chung từ 2011, các đầu tư mới trong khu vực công bị đình trệ, các doanh nghiệp chủ yếu tăng trưởng dựa trên nền tảng quy mô hiện có, tiết giảm đầu tư mới và tối ưu hóa tuyển dụng lao động, có tác động làm giảm nhu cầu vốn đầu tư và giảm chỉ số ICOR.

- Chuyển đổi theo hệ thống giá so sánh 2010 và phương pháp tính toán theo giá 2010.

➤ Bài học kinh nghiệm

- Quy hoạch tích hợp ngành thương mại vào quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh cần quan tâm đến xuất phát điểm phù hợp với các biến động đang phát sinh có liên quan đến phát triển kinh tế và thu hút đầu tư; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội có cập nhật các bối cảnh phát triển mới.

- Tính toán quy mô, tiến độ, định hướng, cấu trúc thương mại và xuất nhập khẩu cần đối chiếu các bối cảnh hiện tại và sắp tới, bên cạnh quá trình suy thoái và hồi phục sau quá trình tái cấu trúc kinh tế, cần quan tâm đến các yếu tố:

- Quá trình tái cấu trúc nội thương theo chuyển dịch đầu tư, bán buôn, bán lẻ của các doanh nghiệp trong và ngoài nước;

- Quá trình phát triển các kênh xuất khẩu (kể cả việc phân tích lại khả năng của khu vực kinh tế cửa khẩu) và cạnh tranh thương mại đồng bộ với lộ trình hội nhập.

2. Thực trạng phát triển dịch vụ

2.1. Dịch vụ tài chính ngân hàng

Trên địa bàn tỉnh nhiều chi nhánh, phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại hoạt động. Nhiều chính sách tín dụng, tiền tệ được triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu vốn vào sản xuất, kinh doanh góp phần duy trì phát triển KT-XH trên địa bàn. Giai đoạn 2015-2020, huy động vốn tại chỗ ước tăng bình quân 15,8%/năm và dư nợ cho vay tăng 11,6%/năm, tỷ lệ nợ xấu chiếm dưới 2% so với tổng dư nợ.

Nguồn vốn tín dụng tập trung chủ yếu vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của địa phương, trong đó, dư nợ cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn chiếm trên 70% tổng dư nợ.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước bảo đảm theo dự toán. Tính đến ngày 31/8/2020, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 5.794 tỷ đồng, bằng 68,22% dự toán năm (tăng 0,41% so với cùng kỳ năm 2019). Chi cân đối sách địa phương đạt 7.659 tỷ đồng, bằng 62,87% dự toán năm. Hoạt động tín dụng tiếp tục được duy trì ổn định, tổng mức huy động vốn ước đạt 49.800 tỷ đồng, tăng 3,86% so với cuối năm 2019; dư nợ cho vay ước đạt 66.500 tỷ đồng, tăng 2,16% so với cuối năm 2019. Các tổ chức tín dụng đã triển khai kịp thời chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp, cá nhân bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, cụ thể, đến ngày 21/8/2020, đã giảm lãi suất đối với khoản vay mới cho 179 doanh nghiệp và 619 cá nhân với tổng dư nợ cho vay mới được hưởng lãi suất ưu đãi trong kỳ khoảng 13.366 tỷ đồng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 176 tổ chức, cá nhân với tổng dư nợ gốc khoảng 1.026 tỷ đồng.

Tình hình lãi suất huy động và lãi vay của hầu hết các chi nhánh ngân hàng thương mại tương đối ổn định (vay ngắn hạn bằng VNĐ thuộc 5 ngành, lĩnh vực ưu tiên tối đa là 7%/năm; khoản vay ngắn hạn khác phổ biến từ 8%/năm đến 12,5%/năm; đối với khoản vay trung hạn phổ biến từ 10%/năm đến 13%/năm).

Mặc dù tình hình kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực và vốn huy động tại địa phương tăng đều, ngành Ngân hàng đã có nhiều cố gắng cải tiến phương thức huy động vốn và cho vay. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng khá nhanh nên nguồn vốn thường không đáp ứng đủ nhu cầu, cơ cấu thời gian của tín dụng cũng chưa thật sát với chu kỳ sản xuất, hạn mức thấp, các thủ tục pháp lý và cơ cấu tín dụng trung dài hạn thấp vẫn còn là cản ngại cho khu vực công thương nghiệp, vừa làm ảnh hưởng không ít đến hoạt động của Ngân hàng trong các năm qua, vừa chưa phát huy được thế mạnh kinh tế của tỉnh. Ngoài ra, dư nợ trong lĩnh vực nông nghiệp bình quân chiếm trên 70% tổng dư nợ, tiềm ẩn nhiều rủi ro bởi chịu sự tác động lớn của giá cả, thị trường tiêu thụ, lũ lụt, dịch bệnh, nhưng hoạt động bảo hiểm trong lĩnh vực này lại chưa phát triển dẫn đến rủi ro trong khả năng trả nợ ngân hàng.

2.2. Dịch vụ logistics

Hoạt động kinh doanh vận tải – kho bãi trên địa bàn tỉnh chủ yếu do khu vực ngoài nhà nước thực hiện. Năm 2020 trên địa bàn không còn doanh nghiệp nào thuộc khu vực nhà nước thực hiện dịch vụ vận tải, kho bãi trên địa bàn.

Hoạt động vận tải đường bộ luôn chiếm tỷ trọng cao trong giá trị doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Hoạt động vận tải hành khách đường bộ khai thác thông qua các hình thức chủ yếu như: các tuyến xe khách trong tỉnh, liên tỉnh và quốc tế (Campuchia); 09 tuyến xe buýt (5 tuyến nội tỉnh và 4 tuyến liên tỉnh); vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (3 doanh nghiệp đăng ký hoạt động). Hoạt động vận tải hàng hóa đường bộ trên địa bàn với các tuyến, luồng trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước bạn Campuchia đã góp phần nâng cao năng lực vận tải hàng hóa của tỉnh.

Hoạt động vận tải đường thủy cũng góp phần không nhỏ trong việc gia tăng dịch vụ ngành vận tải của tỉnh. Các hoạt động vận tải hành khách đường thủy thông qua hệ thống phà, dịch vụ vận chuyển phục vụ khách du lịch... Hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy được ưu tiên lựa chọn trong việc vận chuyển hàng hóa trong tỉnh hơn phương tiện vận tải đường bộ.

Vận tải hành khách

Vận chuyển được 48,95 triệu lượt khách với 1.035 triệu HK.Km; tốc độ tăng trưởng số lượng hành khách vận chuyển giai đoạn 2011 – 2020 đạt 6,58%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 đạt 2,66%/năm và giai đoạn 2016 – 2020 là 10,65%/năm.

Vận tải hàng hoá

Vận chuyển được 6,68 triệu tấn với 708,89 triệu tấn.km; tốc độ tăng trưởng số lượng vận tải hàng hóa vận chuyển giai đoạn 2011 – 2020 đạt 7,84%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 đạt 8,17%/năm và giai đoạn 2016 – 2020 là 13,63%/năm.

Doanh thu vận tải, kho bãi

Doanh thu vận tải, kho bãi năm 2020 đạt 2.262 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2011 – 2020 đạt 8,7%/năm; trong đó giai đoạn 2011 – 2015 đạt 7,9%/năm và giai đoạn 2016 – 2020 tăng 9,5%/năm.

Bảng 12: Hiện trạng ngành vận tải, kho bãi (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020)

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020
I	SỐ LƯỢNG HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN	Nghìn người	23.774	27.105	44.949
1	Phân theo loại hình kinh tế				
	- Ngoài Nhà nước	Nghìn người	23.774	27.105	44.949
	+ Tư nhân	Nghìn người	7.668	8.304	-
	+ Cá thể	Nghìn người	16.106	18.801	-
2	Theo ngành vận tải				
	- Đường bộ	Nghìn người	18.879	20.491	11.993
	- Đường sông	Nghìn người	5.895	6.614	32.958
II	SỐ LƯỢNG HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỂN	Nghìn người.km	518.283	589.993	1.035.710
1	Phân theo loại hình kinh tế				
	- Ngoài Nhà nước	Nghìn người.km	518.283	589.993	1.035.710

TT	Hạng mục	ĐVT	2010	2015	2020
	+ Tự nhân	Nghìn người.km	133.571	153.666	-
	+ Cá thể	Nghìn người.km	384.712	436.327	-
2	Phân theo ngành vận tải				
	- Đường bộ	Nghìn người.km	491.288	560.421	978.994
	- Đường sông	Nghìn người.km	26.995	29.572	56.716
III	KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN	Nghìn tấn	3.527	5.214	6.680
1	Phân theo loại hình kinh tế				
	- Ngoài Nhà nước	Nghìn tấn	2.872	4.264	6.680
	+ Tự nhân	Nghìn tấn	464	957	-
	+ Cá thể	Nghìn tấn	2.408	3.307	-
2	Phân theo ngành vận tải				
	- Đường bộ	Nghìn tấn	1.117	1.437	1.877
	- Đường sông	Nghìn tấn	2.410	3.777	4.803
IV	KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN	Nghìn tấn.km	333.010	493.099	708.389
1	Phân theo loại hình kinh tế				
	- Ngoài Nhà nước	Nghìn tấn.km	255.010	337.768	708.389
	+ Tự nhân	Nghìn tấn.km	137.115	166.154	-
	+ Cá thể	Nghìn tấn.km	117.895	171.614	-
2	Phân theo ngành vận tải				
	- Đường bộ	Nghìn tấn.km	37.339	51.208	151.882
	- Đường sông	Nghìn tấn.km	295.671	441.891	556.567

2.3. Dịch vụ bưu chính viễn thông

Về bưu chính và chuyển phát: Toàn tỉnh có 09 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát với 163 điểm phục vụ, bán kính bình quân 2,57 km, số người dân được phục vụ/01 điểm là 10.160 người. Hiện tại, hoạt động khai thác mạng lưới, vận chuyển trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát ổn định. Hệ thống các điểm Bưu điện - Văn hóa xã thường xuyên được duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động, những dịch vụ mới được triển khai tại các điểm điểm giao dịch, Bưu điện - Văn hóa xã như:

chuyển phát kết quả thủ tục hành chính, dịch vụ tài chính bưu chính, dịch vụ phân phối truyền thông,...

Năm 2020 số thuê bao điện thoại đạt 1.845 nghìn thuê bao, tăng 22,7%; số thuê bao internet đạt 1.185 nghìn thuê bao, tăng 35,65% so với năm 2019.

Các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tác động thúc đẩy các ngành sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân tiếp tục phát triển đa dạng và đồng bộ, trong đó hoạt động bưu chính, viễn thông có nhiều đổi mới, đặc biệt thực hiện tốt dịch vụ giao nhận thủ tục hành chính đến tận nhà người dân.

Doanh thu dịch vụ bưu chính, viễn thông năm 2020 đạt 1.844.661 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là 6,15%/năm; trong đó doanh thu bưu chính tăng 12,52%/năm và doanh thu viễn thông tăng 5,81%/năm. Doanh thu viễn thông chiếm 93,95% trong tổng doanh thu bưu chính viễn thông.

Nhìn chung, dịch vụ bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh phát triển đa dạng, chất lượng dịch vụ được nâng cao. Tuy nhiên, vẫn còn một số vướng mắc trong khó khăn trong đầu tư, xây dựng phát triển hạ tầng viễn thông.

Bảng 13: Doanh thu bưu chính, viễn thông (Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp 2020)

TT	Hạng mục	ĐVT	2015	2020	BQGD 2016 - 2020
	Tổng số	Triệu đồng	1.368.710	1.844.661	6,15
1	Bưu chính	Triệu đồng	61.914	111.661	12,52
2	Viễn thông	Triệu đồng	1.306.796	1.733.000	5,81

2.4. Đánh giá chung

2.4.1. Những mặt đạt được

- Hoạt động thương mại phát triển theo hướng văn minh hiện đại, duy trì được tốc độ tăng trưởng, từng bước tạo lập được kênh lưu thông phân phối thông qua việc kết nối với một số doanh nghiệp lớn tại TP HCM với các địa phương, xây dựng và củng cố mạng lưới phân phối hàng tiêu dùng và thu mua nông sản của nông dân.

- Hoạt động quản lý nhà nước có nhiều chuyển biến tích cực, các hoạt động đều hướng về doanh nghiệp, tích cực thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác quản lý thị trường ngày càng được tăng cường; công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại được chỉ đạo quyết liệt với sự hỗ trợ của nhiều Sở, ban ngành của tỉnh.

- Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng tốt, từng bước nâng cao chuỗi giá trị ngành hàng thủy sản chế biến, lúa gạo theo hướng toàn cầu hoá; nhiều sản phẩm trái cây (nhãn, xoài,...) đã đáp ứng được các tiêu chuẩn của nhiều thị trường nhập khẩu, mở ra thêm cơ hội hội nhập quốc tế của nông dân Đồng Tháp, đóng góp không nhỏ vào phát

triển kinh tế của tỉnh, duy trì tốc độ tăng trưởng, chất lượng hàng hóa, hoạt động hiệu quả, xây dựng được thương hiệu trên thị trường quốc tế.

- Hiệu quả đầu tư vào ngành thương mại cao và đã dần thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài.

2.4.2. Những mặt hạn chế

- Giá trị gia tăng xuất khẩu thấp, chất lượng sản phẩm nông, thủy sản vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Quy mô doanh nghiệp chủ yếu là vừa và nhỏ nên năng lực cạnh tranh thấp, chưa tạo được thương hiệu doanh nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, sức cạnh tranh trên thị trường.

- Liên kết giữa các nhà sản xuất, doanh nghiệp chế biến với các nhà xuất khẩu tự phát, lỏng lẻo nên chưa hình thành những chuỗi cung ứng hàng hóa hiệu quả, có chất lượng đảm bảo, khó truy xuất nguồn gốc sản phẩm; Chưa đa dạng thị trường xuất khẩu, còn phụ thuộc nhiều vào các thị trường truyền thống, dễ tính.

- Hệ thống hạ tầng thương mại tuy có phát triển, nhưng còn nhiều bất cập: đa phần chợ đã quá tải, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy; hệ thống siêu thị đã được hình thành nhưng còn ít, chỉ tập trung ở khu vực thành thị; chợ đầu mối bán buôn, trung tâm thương mại để tập trung phân phối hàng hóa quy mô lớn, hiện đại chưa phát triển. Do hiệu quả đầu tư thấp nên khó thu hút các nhà đầu tư.

Nguyên nhân khách quan

- Chi phí đầu vào tăng, cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm ngày càng khó khăn dẫn đến hạn chế khả năng tái đầu tư, mở rộng sản xuất.

- Tác động chung từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới; giá cả hàng hóa biến động bất thường, gây bất lợi cho sản xuất.

- Ảnh hưởng lớn của đại dịch toàn cầu Covid 19, khiến chuỗi sản xuất, cung ứng và thị trường, đầu ra bị gián đoạn.

- Điều kiện, nguồn lực địa phương hạn hẹp, chưa đáp ứng tốt nhu cầu đầu tư phát triển ngày càng tăng cao.

- Đồng Tháp không thuộc địa bàn trọng điểm phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long nên nguồn lực, cơ chế hỗ trợ của Trung ương cho phát triển địa phương còn hạn chế. Trong các cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp còn một số điểm bất cập.

Nguyên nhân chủ quan

- Giải pháp mang tầm nhìn ngắn hạn, thiếu hệ thống, chưa tạo ra bước đột phá mới cho tăng trưởng kinh tế địa phương.

- Các chủ thể trong hợp đồng liên kết chưa thực sự tin tưởng, chia sẻ lẫn nhau nên thường phá vỡ hợp đồng.

- Tập quán sản xuất của người dân chưa thay đổi nhiều, đa số còn nặng tư tưởng sản xuất nhỏ lẻ, theo kinh nghiệm.

- Dự báo triển vọng phát triển thương mại, kinh tế biên giới, các ngành dịch vụ, sản xuất kinh doanh và phát triển dịch vụ logistics còn hạn chế do tình hình kinh tế chính trị thế giới, diễn biến dịch bệnh phức tạp, khó đoán định.

3. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) trong phát triển thương mại, kinh tế biên giới, các ngành dịch vụ, sản xuất kinh doanh và phát triển dịch vụ logistics

3.1. Điểm mạnh

- Tỉnh Đồng Tháp có nguồn sản phẩm thương mại hóa khá tập trung: lúa gạo, nông thủy sản thô và chế biến, dược phẩm, thức ăn gia súc - thủy sản, một số mặt hàng thực phẩm đặc trưng..., trong đó có nhiều mặt hàng tiếp cận tốt với thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, với dân số thuộc vào mức khá cao và đời sống, nhu cầu tiêu dùng tăng nhanh, Đồng Tháp có thị trường thuận lợi trong việc phát triển thương mại.

- Lĩnh vực thương mại trên địa bàn tỉnh chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế chung và cơ cấu kinh tế khu vực III, đồng thời môi trường kinh doanh tỉnh được đánh giá cao, sẽ là yếu tố tác động tích cực trong bối cảnh ngày càng phát triển về quy mô, chất lượng của các kênh thương mại và thu hút đầu tư của các doanh nghiệp lớn về thương mại.

- Với vị trí trung chuyển giữa 02 vùng ĐBSCL và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; các hành lang kinh tế quan trọng (QL.80 - kênh Xáng Lấp Vò - Sa Đéc; QL.30 - vùng kinh tế cửa khẩu; đường Hồ Chí Minh; các cầu qua sông Tiền, sông Hậu), tỉnh Đồng Tháp có tiềm năng phát triển thương mại một cách đồng bộ theo 2 hướng: thương mại nội địa và tăng cường khả năng đầu mối - trung chuyển - phát luồng hướng về vùng kinh tế trọng điểm phía Nam theo trục xuyên Đồng Tháp Mười; khả năng liên kết phân công phát triển theo chuỗi giá trị thương mại với TP Cần Thơ, TP Long Xuyên; trong tầm nhìn dài hạn là phát triển kinh tế biên mậu.

- Tỉnh Đồng Tháp có nguồn nguyên liệu nông sản đặc biệt là gạo, cá dòi dào, và đã xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm lúa gạo; do đó sẽ có lợi thế trong việc đảm bảo nguồn nguyên liệu cả về số lượng và chất lượng phục vụ cho thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

3.2. Điểm yếu

- Các sản phẩm thương mại hóa và xuất khẩu sản xuất trên địa bàn tỉnh tuy quy mô khá tập trung nhưng kém đa dạng, đặc biệt trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, dẫn đến khó đáp ứng yêu cầu cạnh tranh phát triển trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới và có tính đệm kém trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

- Các cơ sở kinh doanh thương mại phần lớn là nhỏ lẻ, phân tán, tỷ lệ lao động trình độ cao còn thấp; khó đáp ứng yêu cầu tăng cường quy mô, chất lượng, quản lý và công nghệ; chưa đủ cơ sở để phát triển thương mại theo hướng đầu mối - trung chuyển - phát luồng và đối tác đồng bộ với các doanh nghiệp lớn sẽ đầu tư vào địa bàn theo hướng tăng chuỗi giá trị và phát triển cụm liên ngành.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đúng mức, đặc biệt là hệ thống giao thông liên thông cấp vùng.

- Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, các hàng hóa nông lâm thủy sản xuất khẩu phần lớn ở dạng thô hoặc chỉ qua sơ chế nên mang lại giá trị gia tăng thấp vừa giảm lợi nhuận vừa gây khó khăn trong việc cạnh tranh với hàng hóa của các quốc gia khác.

- Việc kết nối cửa khẩu giữa Việt Nam và Campuchia chưa phát triển tương xứng với tiềm năng.

3.3. Cơ hội

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đã xác định thương mại là một trong các lĩnh vực chính (về quy mô, tăng trưởng) phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng phát triển bền vững và đã đề xuất các định hướng, chương trình mục tiêu nhằm tập trung phát triển lĩnh vực này.

- Với định hướng phát triển thương mại của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng Tháp có nhiều cơ hội tạo thế phát triển thương mại theo hướng đầu mối - trung chuyển - phát luồng.

- Trong xu thế hội nhập và xu thế chuyển dịch thương mại theo hướng chuỗi giá trị cụm liên ngành, địa bàn tỉnh Đồng Tháp có cơ hội tham gia vào việc thu hút đầu tư các doanh nghiệp thương mại lớn đồng bộ với quá trình tái cấu trúc các doanh nghiệp nội địa.

3.4. Thách thức

- Với định hướng phát triển thương mại của các tỉnh thành khác và hệ quả của quá trình hội nhập, Đồng Tháp sẽ chịu nhiều áp lực cạnh tranh về thu hút đầu tư và thị trường bán lẻ ngay trên thị trường nội địa tỉnh. Ngoài ra trong quá trình phát triển chung, có khả năng nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ dịch chuyển làm việc tại các vùng kinh tế trọng điểm nếu không có chính sách và giải pháp hợp lý. Một số hạn chế thách thức có liên quan đến phát triển thương mại cần lưu ý hạn chế và khắc phục như các rào cản phi thuế quan; tác động dây chuyền của suy thoái kinh tế - tài chính theo chu kỳ và yếu tố đầu cơ về đất đai, tài chính.

- Các thách thức về yêu cầu tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng, triển khai vận dụng cơ chế chính sách và chuẩn bị nguồn lực nội tại của các doanh nghiệp trong thể hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực thị trường bán buôn, bán lẻ với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước trong quá trình hội nhập sắp tới.

- Kinh tế biên mậu chưa có nhiều điều kiện phát triển và chưa thể đóng góp nhiều vào tổng thể phát triển thương mại, xuất nhập khẩu của tỉnh.

Chương IV

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI, KINH TẾ BIÊN GIỚI, CÁC NGÀNH DỊCH VỤ, SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Quan điểm

- Phát triển ngành thương mại phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phải phù hợp với phát triển thương mại chung của cả nước, hội nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường khu vực và thế giới.

- Phát triển ngành thương mại phù hợp với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước.

- Phát triển ngành thương mại để phục vụ đời sống nhân dân, thúc đẩy giao thương hàng hóa giữa tỉnh Đồng Tháp với các tỉnh, thành.

- Phát triển hệ thống phân phối hàng hóa theo hướng văn minh, hiện đại, tiện ích trên cơ sở kết hợp hài hòa với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển giao thông vận tải, các quy hoạch khác liên quan của tỉnh.

- Phát triển ngành thương mại trên cơ sở huy động hợp lý nguồn lực trong và ngoài nước, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng giữa các thương nhân theo pháp luật.

- Phát triển thương mại trên tinh thần chú trọng bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

2. Định hướng phát triển

2.1. Tầm nhìn đến năm 2050

Đồng Tháp là trung tâm thương mại dịch vụ kết nối liên vùng của 3 vùng kinh tế lớn: Đồng bằng sông Cửu Long - Đông Nam Bộ (vùng TP.HCM) – Campuchia.

Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp là một cực tăng trưởng kinh tế năng động và bền vững của tỉnh; đưa Đồng Tháp trở thành điểm trung chuyển hàng hóa trọng yếu của Vùng vào thị trường Campuchia và tiến tới thị trường các quốc gia ASEAN.

Các trung tâm đô thị lớn của tỉnh như: Cao Lãnh, Sa Đéc, Hồng Ngự là các trung tâm dịch vụ, thương mại đa ngành cấp vùng, với các hoạt động dịch vụ phù hợp với với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

2.2. Định hướng đến năm 2030

- Phát triển hệ thống thương mại văn minh hiện đại, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, phát triển các trung tâm đầu mối, hỗ trợ liên kết dịch vụ thương mại cấp vùng và tiểu vùng, hình thành các trung tâm logistics gắn với các khu, cụm công nghiệp. Chú trọng liên kết vùng để phát triển thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, mở rộng giao thương trên phạm vi toàn quốc và các quốc gia trong vùng ASEAN.

- Phát triển các trung tâm đầu mối, hỗ trợ dịch vụ, thương mại cấp tiểu vùng nằm ở các đô thị trọng điểm, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hình thành các cụm dịch vụ hiệu quả cao; hình thành trung tâm logistic phục vụ các ngành hàng thế mạnh của tỉnh.

- Tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp trở thành một trong những trung tâm logistics và thương mại của vùng đồng bằng sông Cửu Long với Vương quốc Campuchia.

- Tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao như logistics, công nghệ thông tin và truyền thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ du lịch, y tế, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo.

- Mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, xây dựng thương hiệu địa phương và đáp ứng chuẩn kỹ thuật xuất khẩu.

- Đẩy mạnh liên kết vùng, hình thành mạng lưới ABCD Mê Kông - An Giang, Bến Tre, Cần Thơ và Đồng Tháp, kết nối mạng lưới thương mại dịch vụ, phát triển thương hiệu sản phẩm và hỗ trợ doanh nghiệp.

3. Mục tiêu phát triển

3.1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành thương mại theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân; phát huy vai trò của thương mại trong việc định hướng và thúc đẩy sản xuất phát triển, tổ chức tiêu thụ tốt sản phẩm cho nông nghiệp, nông dân; đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng của nhân dân; Phát triển thị trường nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu; phát huy lợi thế phát triển thương mại biên giới với Campuchia thông qua các khu kinh tế cửa khẩu, tạo điều kiện phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân khu vực biên giới. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động kinh doanh thương mại, theo kịp yêu cầu phát triển của thương mại trong nước và trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng: tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025 là 13,66%/năm.

- Kim ngạch xuất khẩu: tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025 là 6,85%/năm.

- Kim ngạch nhập khẩu: tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025 là 5,29%/năm.

3.2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng: tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 – 2030 là 11,35%/năm.

- Kim ngạch xuất khẩu: tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 – 2030 là 5,5%/năm.

- Kim ngạch nhập khẩu: tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 – 2030 là 4,5%/năm.

4. Các đột phá và nhiệm vụ trọng tâm trong thời kỳ 2021-2030

4.1. Các đột phá phát triển

(i) Hoàn thiện cơ chế, chính sách cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, chú trọng đẩy mạnh cải cách hành chính. Trong đó, tập trung vào việc nghiên cứu, ban hành hoặc đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến việc xác định vùng động lực, sản phẩm chủ lực; kết cấu hạ tầng, thu hút nhà đầu tư lớn vào lĩnh vực thương mại, phát triển hệ thống phân phối văn minh và hiện đại, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng giá trị gia tăng cao; chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng trình độ cao, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

(ii) Huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển ngành thương mại. Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh. Trong đó, tập trung vào hạ tầng giao thông với các tuyến đối ngoại, vành đai kết nối với các địa phương lân cận, kết nối giữa các tuyến đường tỉnh với các tuyến quốc lộ, hệ thống đường sắt; hạ tầng đô thị để đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin để hướng tới mục tiêu xây dựng nền kinh tế số, xã hội số.

(iii). Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nền kinh tế số, ứng dụng thương mại điện tử, tăng tỷ lệ lao động chất lượng cao trong cơ cấu lao động.

4.2. Nhiệm vụ trọng tâm thời kỳ 2021 - 2030

- Thu hút các nhà đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, phát triển các sản phẩm chủ lực phục vụ xuất khẩu, từng bước tạo dựng thương hiệu sản phẩm địa phương dựa trên 5 sản phẩm chủ lực (lúa, xoài, hoa kiểng, cá tra, sen); đảm bảo sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị hiếu người dân trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phân phối hàng hóa, phát triển thương mại, xuất nhập khẩu.

+ Phát triển mạng lưới đường cao tốc để nối các đô thị.

+ Kết nối nhanh giữa vùng đô thị và Campuchia. Phát huy tuyến cao tốc Hồng Ngự - Cao Lãnh - An Hữu - Trà Vinh, kiến tạo trục ngang mới cho Đồng Tháp gắn kết với kinh tế biên mậu và vùng Campuchia. Đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Cửa khẩu Đồng Tháp với 02 cửa khẩu quốc tế theo quy hoạch; đầu tư nâng cấp cửa khẩu Thường Phước (Đồng Tháp) - KaohRoKa (Prây-veng). Xây dựng các tuyến đường tuần tra biên giới, đường ra biên giới, các công trình quốc phòng - an ninh.

+ Đầu tư phát triển hạ tầng giao thông để phát triển giao thương hàng hóa giữa người dân hai nước qua cửa khẩu Mộc Rá.

+ Về giao thông thủy, kết nối sông Tiền và sông Hậu tại những vị trí kết nối với giao thông bộ để cải thiện mạng lưới giao thông thủy. Hình thành các điểm kết nối đa phương thức gắn liền với các TTĐM vùng và Tỉnh (bến, cảng thủy, cao tốc, hub..).

+ Liên kết tiêu vùng Đồng Tháp Mười, hình thành mạng lưới ABCD Mê Kông - An Giang, Bến Tre, Cần Thơ và Đồng Tháp.

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

5. Quy hoạch phát triển thương mại, kinh tế biên giới, các ngành dịch vụ, sản xuất kinh doanh và phát triển dịch vụ logistics

5.1. Phát triển các loại hình thương mại

Phát triển hạ tầng kinh doanh thương mại hiện đại, đồng bộ với mục tiêu phát triển du lịch, hướng đến là một trong những trung tâm thương mại của vùng ĐBSCL. Phát triển hạ tầng CNTT, truyền thông và tạo thuận lợi cho phát triển thương mại điện tử trên thiết bị di động (mobile commerce), phát triển lan tỏa dần từ trung tâm đô thị đến các khu vực nông thôn. Trong ngắn và trung hạn, thương mại điện tử theo hướng kết hợp đan xen với các loại hình phân phối truyền thống để tạo thành phương thức phân phối đa kênh.

Về xuất khẩu: chọn lọc những mặt hàng tỉnh có lợi thế cạnh tranh so với các tỉnh/thành trong nước như thủy sản, rau quả đông lạnh, gạo, hàng dệt may để thúc đẩy phát triển xuất khẩu. Về thị trường, tận dụng tốt cơ hội mở cửa thị trường của nước ngoài và lộ trình cắt giảm thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường đã ký FTA; khuyến khích phát triển các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu như: tư vấn pháp lý, tài chính, bảo hiểm, hội chợ, triển lãm, logistics... Đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, nhất là thị trường cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất những sản phẩm tỉnh có lợi thế cạnh tranh; nhập khẩu nhóm hàng máy móc thiết bị và công nghệ phù hợp với nguồn lực, trình độ sản xuất của tỉnh và tiết kiệm năng lượng, vật tư; định hướng nhập khẩu ổn định cho các ngành sản xuất sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu mà khai thác, sản xuất trong nước kém hiệu quả hoặc có tác động xấu đến môi trường.

5.2. Phát triển kinh tế biên giới

- Hình thành Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp tại Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng. Thực hiện theo Quyết định số 191/2001/QĐ-TTg ngày 13/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng chính sách Khu Kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 166/2008/QĐ-TTg ngày 11/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 9/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030; Quyết định số 1200/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Tạo điều kiện phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia; thu hút các nguồn vốn đầu tư xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu và cửa khẩu cụ thể; tăng thêm nguồn thu cho ngân sách địa phương.

- Đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông, thương mại 2 cửa khẩu quốc tế là Thường Phước (huyện Hồng Ngự) và Dinh Bà (huyện Tân Hồng) cùng 5 cửa khẩu phụ là Sở Thượng, Mộc Rá, Á Đôn, Bình Phú, Thông Bình. Quy hoạch các khu chức năng một cách hài hòa, hợp lý; khai thác tối đa địa hình tự nhiên, bảo đảm phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh và định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu trên toàn tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia (đã được Bộ Ngoại giao xây dựng và tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia trình Quốc hội phê duyệt), tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa hai tỉnh Đồng Tháp và Prâyveng, thúc đẩy hợp tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.

- Đầu tư xây dựng siêu thị tổng hợp (hạng III) tại khu vực các huyện biên giới như Tân Hồng và huyện Hồng Ngự; Trung tâm thương mại - dịch vụ tại cửa khẩu Mộc Rá của Thành phố Hồng Ngự; hệ thống cửa hàng tiện lợi, bách hóa tổng hợp, điểm bán hàng ở các khu đông dân cư và mở rộng đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.

- Đầu tư hệ thống kho bãi theo Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, thương mại tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 6300/QĐ-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Bộ Công Thương thuộc danh mục các quy hoạch được tích hợp đã được Chính phủ ban hành tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành Danh mục các quy hoạch vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản c Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp chợ biên giới theo hướng văn minh, hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thương mại biên giới; tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện và hàng hóa qua lại cửa khẩu, mua bán tại chợ biên giới góp phần đẩy mạnh hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa và cải thiện đời sống của cư dân khu vực biên giới.

- Khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp theo hướng chuỗi giá trị ngành để tạo ra tính kết nối cao; Hình thành các cụm kinh tế trong các khu kinh tế cửa khẩu.

- Tập trung thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, hình thành khu chức năng trong các khu kinh tế cửa khẩu... Bên cạnh các dự án có quy mô vừa và nhỏ, tập trung thu hút các dự án lớn tạo hiệu ứng đầu tàu và lan tỏa, có tác động ảnh hưởng tới phát triển kinh tế xã hội của cả tỉnh. Đồng thời, phát huy tối đa các ưu đãi của Nhà nước đối với khu kinh tế cửa khẩu, đa dạng hoá các hình thức thu hút đầu tư nhằm khuyến khích các nguồn vốn cả trong và ngoài nước tham gia vào phát triển khu kinh tế cửa khẩu.

5.3. Phát triển dịch vụ logistics

Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng logistics đồng bộ, hiện đại, chú trọng hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng thương mại và hạ tầng số, đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, từng vùng và cả nước theo từng giai đoạn phát triển làm cơ sở để phát triển dịch vụ logistics Việt Nam.

Phát triển thị trường logistics, thúc đẩy liên kết khu vực và quốc tế. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp dịch vụ logistics và chất lượng dịch vụ logistics.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất với thương mại, xuất nhập khẩu, lưu thông phân phối trong nước và quốc tế. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao.

Nâng cao vai trò của các hiệp hội logistics trong lĩnh vực dịch vụ logistics, thúc đẩy hình thành các chuỗi cung ứng hiện đại, phát triển đa dạng các dịch vụ logistics giá trị gia tăng đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo quyết tâm triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển logistics ở cả Trung ương và địa phương; cung cấp thông tin dự báo xu hướng thị trường logistics trong nước và quốc tế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời thích ứng với thị trường.

Hình thành một hệ thống dịch vụ logistics liên thông, kết nối với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Phát triển các trung tâm, các điểm tập kết trung chuyển hàng hóa và phát triển các loại hình dịch vụ (dịch vụ cung cấp, vận chuyển hàng hóa tối ưu). Phát triển theo chuỗi dịch vụ từ giai đoạn tiền sản xuất đến khi hàng hóa tới tay người tiêu dùng, như: hoạt động vận tải, giao nhận, kho bãi, các thủ tục dịch vụ hành chính, tư vấn hải quan, thuế, bảo hiểm, xuất, nhập khẩu, thương mại, kênh phân phối, bán lẻ... hướng tới cung cấp các dịch vụ trọn gói; nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ để tăng khả năng liên kết hiệu quả giữa các phương thức vận tải, giảm đầu mối cung cấp.

- Xây dựng 03 khu kho vận thương mại đô thị với chức năng tập kết, sơ chế, phân loại, đóng gói,... hàng hóa để phát luồng đến các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự liên kết với các cảng Trần Quốc Toản, Sa Đéc, Thường Phước. Đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cấp hệ thống kho vận lúa gạo dọc kênh Xáng Lấp Vò và TP Sa Đéc.

- Phát triển hệ thống kho vận lúa gạo tại Trường Xuân - Hưng Thạnh (Tháp Mười) và hệ thống kho ngoại quan tại Thường Phước (Hồng Ngự).

5.4. Phát triển ngành tài chính – ngân hàng

➤ Tài chính – ngân hàng:

- Đa dạng hóa các loại hình sản phẩm; ứng dụng chuyển đổi số; nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tập trung vốn tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên (khởi sự doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp, xuất khẩu...).

- Ứng dụng một số công nghệ cốt lõi có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain), dữ liệu lớn (Bigdata) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), tạo điều kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai tài chính điện tử hướng tới tài chính số. Xây dựng các nền tảng quản trị thông minh nhằm cung cấp các dịch vụ tài chính thông minh, tham gia tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế số. Xây dựng tài chính điện tử và cơ bản thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, công khai, minh bạch dựa trên dữ liệu lớn, dữ liệu mở, hệ sinh thái tài chính số, đảm bảo tính hiệu quả và an toàn thông tin toàn diện.

- Phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán, thẩm định giá và dịch vụ tài chính khác phù hợp với yêu cầu thực tế thông qua việc ứng dụng công nghệ số.

- Phát triển thị trường trái phiếu xanh để huy động vốn cho các dự án bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển kinh tế bền vững.

- Phát triển đa dạng các sản phẩm chứng khoán phái sinh bao gồm hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn trên các tài sản cơ sở là chỉ số chứng khoán, cổ phiếu đơn lẻ và trái phiếu chính phủ.

➤ **Bảo hiểm:**

- Phát triển sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm nhằm đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân và hội nhập quốc tế, đặc biệt là các sản phẩm bảo hiểm ứng dụng công nghệ thông tin, bảo hiểm xanh, bảo hiểm liên kết y tế,...;

Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh bảo hiểm; Đa dạng và chuyên nghiệp hóa kênh phân phối bảo hiểm nhằm tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các đối tượng có thu nhập thấp được tham gia bảo hiểm.

5.5. Phát triển các doanh nghiệp, cơ sở, hộ kinh doanh thương mại – dịch vụ

➤ **Thương mại nhà nước**

Các doanh nghiệp nhà nước tuy có số lượng ít nhưng một số có quy mô lớn và tính phát triển đầu tàu với cơ sở vật chất mạnh, có tác động liên ngành (như kinh doanh xăng dầu). Đối với các doanh nghiệp này, tiến hành từng bước cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước theo lộ trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

➤ **Thương mại tập thể**

- Tại khu vực đô thị, củng cố các hợp tác xã thương mại theo hướng liên kết, hợp tác, tham gia chuỗi giá trị.

- Tại khu vực nông thôn, trên cơ sở các hợp tác nông nghiệp sẽ phát triển thêm chức năng thương mại dịch vụ nhằm phục vụ trực tiếp nhu cầu tiêu thụ sản phẩm và cung ứng tư liệu sản xuất cho người sản xuất nhỏ.

➤ **Thương mại tư nhân và thương mại cá thể**

- Khuyến khích thành phần thương mại tư nhân phát triển tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự dưới các hình thức doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty thương mại cổ phần.

- Tại các khu, cụm thương mại - dịch vụ và thị trấn trung tâm huyện, tùy theo quy mô thực tế sẽ khuyến khích tư nhân thành lập doanh nghiệp hay cửa hàng tiện lợi.

- Tại khu vực đô thị, khuyến khích các cửa hàng cá thể mở rộng quy mô, chuyên hóa hoặc chuyển sang mô hình cửa hàng tiện lợi.

- Tại các nông thôn, phát triển mạnh các hộ kinh doanh có vị trí kinh doanh cố định, thường xuyên, qua đó nâng quy mô kinh doanh của chợ, nhất là đối với các chợ xa trung tâm.

➤ **Thương mại có vốn đầu tư nước ngoài**

Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp có vốn nước ngoài kinh doanh trên thị trường Đồng Tháp trong lĩnh vực bán buôn lẫn bán lẻ theo nhiều hình thức đầu tư và hợp tác kinh doanh nhằm tạo ra chuỗi cung ứng hiện đại, đa dạng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tiếp cận với thị trường thế giới.

5.6. Phát triển thương mại điện tử

a) Mục tiêu phát triển:

- Về quy mô thị trường thương mại điện tử: Giai đoạn 2021-2025, đến năm 2025 có 60% dân số tham gia mua sắm trực tuyến; doanh số thương mại điện tử B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) tăng 20%/năm. Giai đoạn 2026-2030, đến năm 2030 có 70% dân số tham gia mua sắm trực tuyến; doanh số thương mại điện tử B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) tăng 25%/năm.

- Về hạ tầng các dịch vụ phụ trợ cho thương mại điện tử: Giai đoạn 2021-2025: Đến năm 2025, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 50%, trong đó thanh toán thực hiện qua các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chiếm 80%; Chi phí trung bình cho chuyển phát và hoàn tất đơn hàng chặng cuối chiếm 10% giá thành sản phẩm trong thương mại điện tử; Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số – Bộ Công Thương xây dựng và đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu dùng chung về thương mại điện tử của tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở phù hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia. Giai đoạn 2026 -2030, đến năm 2030 các chỉ tiêu trên lần lượt đạt 70% - 85% - 10%.

- Về tương quan phát triển thương mại điện tử giữa các địa phương: Đến năm 2025 phấn đấu 50% số xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tỉnh có thương nhân thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến và đến năm 2030 là 65%.

- Về ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp: giai đoạn 2021-2025, đến năm 2025 có 50% doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động kinh doanh, 55% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, bao gồm mạng xã hội có chức năng sàn giao dịch thương mại điện tử; 70% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông

và truyền thông triển khai hợp đồng điện tử với người tiêu dùng và chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt; 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm, chuỗi cửa hàng tiện lợi chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt phục vụ người tiêu dùng. Giai đoạn 2026-2030, đến năm 2030 phần đầu các chỉ tiêu trên lần lượt đạt 60%, 70%, 80% và 100%.

- Về phát triển nguồn nhân lực cho thương mại điện tử: giai đoạn 2021-2025, đến năm 2025 có 100% cán bộ quản lý nhà nước về thương mại điện tử được đào tạo và tập huấn về pháp lý, kỹ năng thương mại điện tử; 80% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được tham gia các khóa tập huấn, đào tạo về kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử. Giai đoạn 2026 -2030, đến năm 2030 các chỉ tiêu trên phần đầu duy trì 100% và đạt 90%.

b) Tăng cường năng lực các hệ thống hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cho thương mại điện tử

Phát triển các hạ tầng, giải pháp hỗ trợ giao dịch điện tử tích hợp thanh toán trong thương mại và dịch vụ công; phát triển các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, ví điện tử, mã QR code, ...; Đảm bảo an ninh, an toàn thanh toán để góp phần thúc đẩy thanh toán điện tử trong giao dịch thương mại điện tử, bao gồm mô hình thương mại điện tử doanh nghiệp - người tiêu dùng (B2C), doanh nghiệp - doanh nghiệp (B2B), chính phủ - người dân (G2C), chính phủ - doanh nghiệp (G2B); Online - Offline (O2O). Thường xuyên tiếp xúc với các doanh nghiệp thương mại điện tử để kịp thời nắm bắt những vấn đề cần tháo gỡ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tăng cường, bổ sung dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, kết hợp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính công ích, để đạt tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4. Đẩy mạnh cung cấp đa phương thức thanh toán lệ phí hồ sơ giải quyết TTHC trực tuyến thông qua ví điện tử, cổng thanh toán,... trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Tăng cường đầu tư hạ tầng kỹ thuật viễn thông (Internet cáp quang tốc độ cao đến hộ gia đình, mạng thông tin di động 5G) để nâng cao khả năng đáp ứng truy cập Internet để thực hiện cung cấp dịch vụ, giao dịch thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ miễn, giảm phí thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt cho hoạt động thanh toán trong thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh (như giải pháp thanh toán Viettel Pay,...).

Xây dựng chương trình chuyển đổi số trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ứng dụng công nghệ số nhằm cải tiến mô hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; Nghiên cứu, lựa chọn ngành, lĩnh vực ưu tiên để phát triển các ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất và kinh doanh.

Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử và các chứng từ điện tử phục vụ giao dịch thương mại khác trên nền tảng xác thực thông tin ứng dụng công nghệ số bao gồm chữ ký số công cộng, chữ ký số cá nhân trên di động, lưu trữ block-chain,...

Xây dựng hệ thống tra cứu, truy xuất, kiểm soát lưu thông hàng hóa trên nền tảng các giải pháp về chứng từ điện tử trong thương mại bao gồm hóa đơn điện tử, tem điện tử, chứng từ xuất kho điện tử.

Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán qua ngân hàng đối với việc thu phí các dịch vụ công, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, cung cấp các dịch vụ, các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, các dịch vụ thanh toán điện tử phục vụ cho giao dịch thương mại điện tử.

Đẩy mạnh hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã ứng tham gia mô hình truy xuất nguồn gốc của tỉnh. Ứng dụng mã hình QR trong truy xuất thông tin trực tuyến, thanh toán trực tuyến, khuyến mại trực tuyến, kê khai thuế điện tử... và hỗ trợ kết nối nhanh giữa người sản xuất, người bán với người mua.

c) Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại các địa phương.

Xây dựng và hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp công nghệ số (công nghệ mã vạch, mã QR Code,...) để truy xuất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trực tuyến và tiếp thị sản phẩm trên môi trường điện tử.

Phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, không chỉ dừng lại ở người tiêu dùng. Các nhà sản xuất, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng thông minh nhằm dự báo, quảng bá, mở rộng thị trường cho một số sản phẩm chủ lực của tỉnh. Hỗ trợ, khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp kinh doanh các sản phẩm, giải pháp, mô hình thương mại điện tử.

d) Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong thương mại điện tử

Thường xuyên tập huấn nâng cao trình độ, nhận thức an toàn, an ninh thông tin trong phát triển thương mại điện tử cho cán bộ, công chức quản lý về lĩnh vực thương mại điện tử.

Thực hiện tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, báo, đài, mạng xã hội về các nguy cơ, giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong thương mại điện tử (thanh toán điện tử, mua hàng online,...).

Hướng dẫn các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ, hạ tầng phần mềm lẫn phần cứng, nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của khách hàng và giao dịch.

6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

6.1. Quy hoạch hệ thống chợ

Bảng 14: *Quy hoạch hệ thống chợ đến năm 2030*

Địa điểm	Tổng số chợ	Hiện trạng chợ đến 2023					Chợ xây mới đến năm 2030
		Chợ đầu mối	Chợ chuyên doanh	Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3	
	182	2	2	6	27	147	2
TP. Cao Lãnh	21	1		1	5	15	
TP. Sa Đéc	9		1	1	1	6	1
TP. Hồng Ngự	8			1	0	7	
Huyện Tân Hồng	12		1	0	2	10	
Huyện Hồng Ngự	11			0	0	11	1
Huyện Tam Nông	10			0	3	6	1
Huyện Thanh Bình	14			0	2	12	
Huyện Tháp Mười	13			1	5	7	
Huyện Cao Lãnh	23	1		1	1	21	
Huyện Lấp Vò	18			0	6	12	
Huyện Lai Vung	27			0	1	26	
Huyện Châu Thành	16			1	1	14	

6.2. Quy hoạch hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại

Dự kiến đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh sẽ có 04 trung tâm thương mại tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc, TP Hồng Ngự và huyện Tân Hồng.

- Trung tâm thương mại Cao Lãnh dự kiến có tổng diện tích 1.260.000 m². Diện tích đất dành cho xây dựng Trung tâm thương mại là 60.000 m².

- Trung tâm thương mại Sa Đéc được xây dựng tại khu quy hoạch xây dựng trung tâm tài chính - thương mại, có tổng diện tích là 70.000 m². Diện tích đất để xây dựng trung tâm thương mại là 30.000 m².

- Trung tâm thương mại Hồng Ngự có tổng diện tích sàn từ 10.000 m² đến 20.000 m², đạt tiêu chí Trung tâm thương mại hạng III.

- Trung tâm thương mại Tân Hồng có tổng diện tích sàn từ 10.000 m² đến 20.000 m², đạt tiêu chí Trung tâm thương mại hạng III.

Ngoài ra, trên địa bàn có các trung tâm thương mại quy mô nhỏ (hạng III) tại TP. Hồng Ngự, Lấp Vò, Tam Nông, Cao Lãnh, Châu Thành, Thanh Bình.

Dự kiến đến 2030 trên địa bàn tỉnh lên 23 siêu thị, bao gồm:

- Siêu thị tổng hợp: 16; trong đó TP Cao Lãnh 02 siêu thị, TP Sa Đéc 02 siêu thị, TP Hồng Ngự 01 siêu thị quy mô hạng I-II; còn lại là 11 siêu thị mini, siêu thị hạng III phân bố tại các huyện Lấp Vò, Lai Vung.

- Siêu thị chuyên doanh: về điện máy, nội thất, hàng điện tử; trong đó TP Cao Lãnh 04 siêu thị, TP Sa Đéc 03 siêu thị.

6.3. Quy hoạch khu thương mại dịch vụ

- Dự án Khu thương mại dịch vụ Sông Tiền phía Tây Nam tại huyện Hồng Ngự;
- Các dự án nâng cấp cải tạo, mở rộng chợ Tam Nông (huyện Tam Nông), chợ Mương Kinh kết hợp chợ nông sản (huyện Lấp Vò);
- Các dự án khu dân cư đô thị kết hợp thương mại dịch vụ tại thị trấn Thanh Bình (huyện Thanh Bình), khu thương mại dịch vụ và dân cư Trường Xuân (huyện Tháp Mười).

6.4. Quy hoạch Trung tâm, hội chợ triển lãm

Đến năm 2030 dự kiến phát triển 02 Trung tâm hội chợ - triển lãm nằm trong tổ hợp Trung tâm thương mại TP Cao Lãnh và TP Sa Đéc.

6.5. Quy hoạch Trung tâm Logistics

- Xây dựng trung tâm Logistics tại thị trấn Cái Tàu Hạ - Nha Môn, trung tâm Logistics này phục vụ cho hàng hóa lưu thông trên hành lang Bắc Nam, qua đường bộ cao tốc và đường sắt tốc độ cao Bắc Nam sẽ được xây dựng.
- Trung tâm logistics gắn với chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp tại xã Mỹ Hiệp (huyện Cao Lãnh)
- Trung tâm đầu mối vùng ĐBSCL tại TP Cao Lãnh (KCN Trần Quốc Toản)

6.6. Quy hoạch kho vận

03 khu kho vận thương mại đô thị tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc, TP. Hồng Ngự liên kết với các cảng Trần Quốc Toản, Sa Đéc, Thường Phước. Đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cấp hệ thống kho vận lúa gạo dọc kênh Xáng Lấp Vò và TP Sa Đéc.

6.7. Quy hoạch hạ tầng thương mại kinh tế cửa khẩu

Các dự án hạ tầng thương mại kinh tế cửa khẩu như kho chứa hàng – logistics, kho ngoại quan, công nghiệp dự trữ, kho cửa khẩu, trung tâm thương mại, siêu thị. Cụ thể như sau:

➤ Về kho bãi, hàng hóa

- Các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà¹; Kho chứa hàng hóa – logistics; Kho ngoại quan, công nghiệp dự trữ cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà tại huyện Tân Hồng.
- Kho Cửa khẩu Thường Phước tại Huyện Hồng Ngự.
- Kho ngoại quan Cửa khẩu Mộc Rá tại Thành phố Hồng Ngự².

➤ Trung tâm thương mại

¹ Quyết định số 491/QĐ-UBND-HC ngày 28/4/2021 của UBND Tỉnh.

² Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 4/5/2021 của UBND Tỉnh.

- Trung tâm Thương mại, dịch vụ, nhà hàng, khách sạn cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà; các dự án khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ tại thị trấn Sa Rài Huyện Tân Hồng.

- Trung tâm Thương mại – Dịch vụ Cửa khẩu Mộc Rá tại thành phố Hồng Ngự.

➤ *Siêu thị*

- Siêu thị hạng III (Cửa khẩu Dinh Bà) tại Huyện Tân Hồng.

- Siêu thị hạng III (Cửa khẩu Thường Phước) tại Huyện Hồng Ngự.

➤ *Chợ*

- Cải tạo, sửa chữa chợ cửa khẩu Dinh Bà, chợ biên giới Thông Bình, chợ Tân Hồng; mời gọi đầu tư *chợ thương mại biên giới cửa khẩu phụ Bình Phú* tại Huyện Tân Hồng.

- Cải tạo, sửa chữa chợ Bách Hóa Thường Phước, chợ Cả Sách, chợ Cầu Muống tại Huyện Hồng Ngự.

6.8. Quy hoạch hạ tầng xăng dầu khí đốt

Theo thống kê Sở Công Thương tỉnh Đồng Tháp, ước tính tổng nhu cầu xăng dầu từ năm 2017 đến tháng 9/2020 là 582.681m³, tốc độ tăng trưởng bình quân nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong giai đoạn này là khoảng 5,48%/năm. Trên cơ sở đó, ước lượng nhu cầu xăng dầu tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 khoảng 1.362.369 m³.

Đối với nhu cầu khí đốt LPG, ước tính tổng nhu cầu khí đốt LPG từ năm 2017 đến tháng 9/2020 là 51.184 tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong giai đoạn này là khoảng 13,74%/năm. Trên cơ sở đó, ước lượng nhu cầu khí đốt LPG tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 khoảng 126.224 tấn.

Bên cạnh đó, tỉnh có đường biên giới giáp Campuchia là điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu xăng dầu. Một số công ty kinh doanh xăng dầu, khí đốt như Petimex gia tăng thị phần, đảm bảo cung ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong tỉnh, các tỉnh trong khu vực và xuất khẩu. Vì vậy, nhu cầu phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt của tỉnh trong thời gian tới là cần thiết.

Trên cơ sở đó, đề xuất xây dựng 02 tổng kho dự trữ xăng dầu (một điểm tại địa bàn phía sông Hậu và một điểm tại địa bàn phía sông Tiền) để phục vụ nhu cầu nhiên liệu cho sản xuất, dự trữ thương mại, phát triển kinh tế - xã hội địa phương và an ninh quốc phòng của tỉnh, đất nước.

7. Phân bố không gian phát triển thương mại dịch vụ

Các hoạt động thương mại dịch vụ, lưu chuyển, thu, phát các luồng hàng hóa, sản phẩm chính trên địa bàn tỉnh phân bố tập trung tại 4 vùng và 3 hành lang kinh tế³ gồm:

³ (1) Hành lang kinh tế Tây Bắc - Đông Nam (bố trí theo tuyến quốc lộ 30 kết nối quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam phía Tây, cao tốc Bắc - Nam phía Đông, quốc lộ N1) là hành lang phát triển chủ lực của tỉnh. Tập trung phát triển đô thị, công nghiệp chế biến, trung tâm dịch vụ hậu cần. (2) Hành lang kinh tế Nam Sông Tiền (bố trí theo tuyến quốc lộ 80, quốc lộ 80B, đường tỉnh 848 và đường Nam Sông Tiền, kết nối với cao tốc Bắc-Nam phía Tây và quốc lộ 1) phát triển đô thị, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao. (3) Hành lang kinh tế Đông Bắc - Tây Nam (bố trí theo tuyến

(1) Vùng kinh tế - xã hội trung tâm gồm: Thành phố Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc; phía Tây huyện Tam Nông; phía Nam huyện Cao Lãnh; phía Bắc các huyện: Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành (dọc sông Tiền) là vùng động lực phát triển của tỉnh. Tập trung phát triển kinh tế đô thị, công nghiệp chế biến, thương mại, du lịch. Trong đó thành phố Cao Lãnh là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh kết nối với thành phố Sa Đéc trở thành hai cực tăng trưởng của vùng trung tâm.

- Phát triển hạ tầng kinh doanh thương mại hiện đại, đồng bộ với mục tiêu phát triển du lịch, hướng đến là một trong những trung tâm thương mại của vùng ĐBSCL.

- Hình thành trung tâm dịch vụ đáp ứng các mục tiêu phát triển triển đô thị, công nghiệp, du lịch trong tương lai. Trung tâm đầu mối vùng ĐBSCL tại TP Cao Lãnh (KCN Trần Quốc Toản).

- Phát triển mạnh trung tâm thương mại dịch vụ trên cơ sở trung tâm vùng là TP. Sa Đéc. Phát huy vai trò chợ đầu mối Sa Đéc gắn kết với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, lâu dài sẽ gắn kết với TP. Cần Thơ về xuất khẩu gạo và cung cấp nguyên vật liệu cho KCN Cần Thơ trên sông Hậu. Hình thành các trung tâm dịch vụ phân phối sản phẩm nông nghiệp.

- Quy hoạch Trung tâm Logistics gắn với chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh. Trung tâm bus liên vùng tứ giác điệu kỳ tại Tân Mỹ hoặc giao của cao tốc An Hữu – Cao Lãnh và đường Hồ Chí Minh

(2) Vùng kinh tế biên giới (vùng phía Bắc) gồm: Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, phần lớn huyện Tân Hồng. Tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp, cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long với Vương quốc Campuchia; trở thành vùng kinh tế động lực, điểm khởi đầu của ba hành lang kinh tế (hàng lang kinh tế ven sông Hậu, hàng lang kinh tế ven sông Tiền và hàng lang kinh tế Đồng Tháp Mười). Thành phố Hồng Ngự đóng vai trò là cực tăng trưởng của vùng phía Bắc.

- Định hướng phát triển kinh tế biên mậu. Đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông, thương mại 2 cửa khẩu quốc tế là Thường Phước (huyện Hồng Ngự) và Dinh Bà (huyện Tân Hồng) cùng 5 cửa khẩu phụ là Sở Thượng, Mộc Rá, Á Đôn, Bình Phú, Thông Bình một cách đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa hai tỉnh tỉnh Đồng Tháp và Prâyveng.

- Hình thành khu phi thuế quan, trung tâm thương mại đô thị và biên giới, giao thương và phân phối các sản phẩm công nghiệp - TTCN được sản xuất tại địa phương, Quốc gia và Quốc tế tại khu vực TP Hồng Ngự, Huyện Hồng Ngự gắn kết với cao tốc N1.

- Phát triển hệ thống kho ngoại quan tại Thường Phước (Hồng Ngự).

(3) Vùng kinh tế ven sông Hậu (vùng phía Tây Nam) gồm: Phía Nam các huyện: Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành. Tập trung phát triển hạ tầng, dịch vụ kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long với thị trấn Lấp Vò là cực tăng trưởng phía Tây Nam của tỉnh.

- Hình thành một hệ thống dịch vụ logistics liên thông, kết nối với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Phát triển các trung tâm, các điểm tập kết trung chuyển hàng hóa và phát triển các loại hình dịch vụ (dịch vụ cung cấp, vận chuyển hàng hóa tối ưu).

- Xây dựng 03 khu kho vận thương mại đô thị với chức năng tập kết, sơ chế, phân loại, đóng gói,... hàng hóa để phát luồng đến các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự liên kết với các cảng Trần Quốc Toản, Sa Đéc, Thường Phước. Đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cấp hệ thống kho vận lúa gạo dọc kênh Xáng Lấp Vò và TP Sa Đéc.

(4) Vùng phía Đông Bắc gồm: Huyện Tháp Mười, khu vực phía Đông các huyện: Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình; khu vực phía Bắc huyện Cao Lãnh. Tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao tập trung, quy mô lớn gắn với các khu, cụm công nghiệp chế biến nông, thủy sản với thị trấn Mỹ An là cực tăng trưởng vùng Đông Bắc của tỉnh.

- Trung tâm phân phối, giao dịch nông sản, chợ đầu mối gắn với kho bãi tại Mỹ An, trên đường Hồ Chí Minh.

8. Danh mục dự án đầu tư

[illegible]

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
1	Nâng cấp, cải tạo Chợ đầu mối Mỹ Trà	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng dân cư, giao thương với các tỉnh thành	Chợ đầu mối	Thành phố Cao Lãnh				2021 - 2030
2	Nâng cấp, cải tạo Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng dân cư, giao thương với các tỉnh thành	Chợ đầu mối	Huyện Cao Lãnh				2021 - 2030
III	Chợ hạng 2, hạng 3							
1	Cải tạo, nâng cấp chợ Thường Thới Tiền	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Hồng Ngự				2021 - 2025
2	Nâng cấp mở rộng Chợ Thường Thới	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với	Theo quy định	Huyện Hồng Ngự				2026 - 2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
		quy hoạch của Tỉnh và địa phương.						
3	Cải tạo, sửa chữa chợ Cả Sách	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Hồng Ngự				2026 - 2030
4	Cải tạo, nâng cấp Chợ Cầu Muống	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Hồng Ngự				2026 - 2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
5	Cải tạo, nâng cấp Chợ Long Thuận	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Hồng Ngự				2026 - 2030
6	Cải tạo, sửa chữa chợ cửa khẩu Dinh Bà	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tân Hồng				2021 - 2025
7	Cải tạo sửa chữa chợ biên giới Thông Bình	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tân Hồng				2021 - 2025

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
8	Cải tạo, sửa chữa chợ Bách Hóa Thường Phước	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Hồng Ngự				2021 - 2025
9	Cải tạo, nâng cấp chợ Tân Hồng	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tân Hồng				2021 - 2025
10	Cải tạo, nâng cấp chợ An Phước	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Hồng Ngự				2021 - 2025

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
11	Cải tạo, nâng cấp chợ Thanh Bình	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Thanh Bình				2021 - 2025
12	Cải tạo nâng cấp chợ Phú Điền	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tháp Mười				2021 - 2025
13	Cải tạo nâng cấp chợ Thanh Mỹ	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tháp Mười				2021 - 2025

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
14	Cải tạo nâng cấp chợ Đốc Binh Kiều	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tháp Mười				2021 - 2025
15	Cải tạo nâng cấp chợ Mỹ Quý	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tháp Mười				2021 - 2025
16	Cải tạo, nâng cấp chợ Lấp Vò	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Lấp Vò				2021 - 2025

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
B	Công trình xây dựng mới							
1	Xây mới Chợ đầu mối hoa kiểng Sa Đéc	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng dân cư, giao thương với các tỉnh thành	Chợ đầu mối	Thành phố Sa Đéc				2021 - 2030
2	Xây mới lại Chợ Cây Sung	Đầu tư kinh doanh khai thác chợ phục vụ mua bán trao đổi hàng hóa	Do nhà đầu tư đề xuất theo định hướng phát triển của huyện Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự				2026 - 2030
3	Xây mới lại Chợ Long Khánh B	Đầu tư kinh doanh khai thác chợ phục vụ mua bán trao đổi hàng hóa	Do nhà đầu tư đề xuất theo định hướng phát triển của huyện Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự				2021 - 2025
4	Xây mới Chợ Phú Thuận B	Đầu tư kinh doanh khai thác chợ phục vụ mua bán trao đổi hàng hóa	Do nhà đầu tư đề xuất theo định hướng phát triển của huyện Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự				2021 - 2025

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
5	Phát triển chợ Tam Nông	Đầu tư kinh doanh khai thác chợ phục vụ mua bán trao đổi hàng hóa	Do nhà đầu tư đề xuất theo định hướng phát triển của huyện Tam Nông	Thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông	9,5 ha	Đất chưa bồi thường giải phóng mặt bằng	Đầu thầu dự án có sử dụng đất	2021 - 2025
C	Công trình mời gọi đầu tư							
I	Chợ							
1	Chợ thương mại biên giới cửa khẩu phụ Bình Phú	Đầu tư kinh doanh khai thác chợ phục vụ mua bán trao đổi hàng hóa	Do nhà đầu tư đề xuất theo định hướng phát triển của huyện Tân Hồng	Huyện Tân Hồng				2026 - 2030
2	Dự án mở rộng chợ Muong Kinh kết hợp chợ nông sản	Phát triển thương mại dịch vụ, nhà ở và là điểm đầu mối liên kết tiêu thụ hàng nông sản	Do nhà đầu tư đề xuất theo định hướng phát triển của huyện Lấp Vò	xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò	4,6 ha	Đất chưa bồi thường giải phóng mặt bằng	Đầu tư theo Luật Đầu tư (phần đất dân Nhà đầu tư tự thỏa thuận quyền sử dụng đất với người dân)	2021 – 2025 QH huyện
II	Siêu thị							

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
1	Siêu thị TH Cao Lãnh 1 – Hạng I	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Cao Lãnh				2021-2025
2	Siêu thị TH Cao Lãnh 2 – Hạng II	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Cao Lãnh				2026-2030
3	Siêu thị CD 1	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Cao Lãnh				2021-2025
4	Siêu thị CD 2	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Cao Lãnh				2026-2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
5	Siêu thị CD 3	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Cao Lãnh				2026-2030
6	Siêu thị CD 4	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Cao Lãnh				2026-2030
7	Siêu thị TH Sa Đéc 1 - Hạng I	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Sa Đéc				2021-2025
8	Siêu thị TH Sa Đéc 2 – Hạng II	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Sa Đéc				2026-2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
9	Siêu thị CD 1	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Sa Đéc				2021-2025
10	Siêu thị CD 2	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Sa Đéc				2026-2030
11	Siêu thị CD 3	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Sa Đéc				2026-2030
12	Siêu thị tổng hợp hạng II, III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Hồng Ngự				2026-2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
13	Siêu thị TH hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Thanh Bình				2026-2030
14	Siêu thị TH hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Lai Vung				2021-2025
15	Siêu thị TH hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Châu Thành				2021-2025
16	Siêu thị TH hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tháp Mười				2026-2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
17	Siêu thị TH hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	H. Cao Lãnh				2021-2025
18	Siêu thị TH hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	H. Cao Lãnh				2026-2030
19	Siêu thị TH hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	H. Lấp Vò				2026-2030
20	Siêu thị hạng III (Cửa khẩu Dinh Bà)	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với	Theo quy định	Huyện Tân Hồng				2021 - 2025

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
		quy hoạch của Tỉnh và địa phương.						
21	Siêu thị hạng III (Cửa khẩu Thường Phước)	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Hồng Ngự				2021 - 2025
III	Trung tâm thương mại							
1	TTTM Cao Lãnh – Hạng I	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Cao Lãnh				2021-2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
2	Trung tâm HCTL	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Cao Lãnh				2021-2030
3	TTTM Sa Đéc – Hạng II	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Sa Đéc				2021-2030
4	Trung tâm HCTL	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Sa Đéc				2026-2030
5	TTTM Thanh Bình – Hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Thanh Bình				2026-2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
6	TTTTM Tam Nông – Hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tam Nông				2026-2030
7	TTTTM Châu Thành – Hạng III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Châu Thành				2026-2030
8	TTTTM Hồng Ngự - Hạng II, III	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Hồng Ngự				2021-2030
9	TTTTM Tân Phước	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tân Hồng				2026-2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
10	TTTT TT Sa Rài	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, mở rộng hạ tầng thương mại phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tân Hồng				2026-2030
11	Các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà	Hình thành khu thương mại – dịch vụ, khu công nghiệp, khu dịch vụ hậu cần kho vận, siêu thị, trung tâm bán hàng giảm giá. Tạo nhiều thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh thương mại trao đổi sản phẩm & hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu.	Theo quy định về xây dựng khu kinh tế cửa khẩu	Huyện Tân Hồng	7,862 ha(Lô F1			2021 - 2030
12	Trung tâm thương mại - dịch vụ, nhà hàng, khách sạn cửa khẩu quốc tế Dinh Bà	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với	Theo quy định	Huyện Tân Hồng	9,5165 ha			2021 - 2025

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
	Bà	quy hoạch của Tỉnh và địa phương.						
13	Trung tâm Thương mại – Dịch vụ cửa khẩu Mộc Rá	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	TP. Hồng Ngự	5,058 ha			2021 - 2025
14	Trung tâm thương mại (khu chợ Huyện – chợ Biên giới) tại Khu đô thị thông minh Rừng Xanh,	Hình thành khu thương mại dịch vụ đáp ứng nhu cầu phát triển đời sống vật chất, tinh thần của người dân cũng như nhu cầu đất ở cho người dân	Theo quy định	thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự	4.775,1 m ²	Đất chưa bồi thường giải phóng mặt bằng	Đầu thầu dự án có sử dụng đất	Đến năm 2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
15	Các dự án khu dân cư đô thị kết hợp thương mại dịch vụ tại thị trấn Thanh Bình	Hình thành khu dân cư, thương mại dịch vụ đáp ứng nhu cầu phát triển đời sống vật chất, tinh thần của người dân cũng như nhu cầu đất ở cho người dân	Đất ở chiếm khoảng 35% - 45%, TM-DV chiếm 15% và các hạ tầng kỹ thuật	thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình	phân khu từ 12 ha đến 30 ha	Đất chưa bồi thường giải phóng mặt bằng	Đấu thầu dự án có sử dụng đất	2021 – 2025 QH của huyện
16	Dự án khu thương mại dịch vụ và dân cư	Hình thành khu dân cư, thương mại dịch vụ đáp ứng nhu cầu phát triển đời sống vật chất, tinh thần của người dân cũng như nhu cầu đất ở cho người dân	Đất ở chiếm khoảng 45% và các hạ tầng kỹ thuật	xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười	8,91 ha	Đất chưa bồi thường giải phóng mặt bằng	Đấu thầu dự án có sử dụng đất	2021 – 2025 Kế thừa QĐ 491/QĐ-UBND-HC
17	Các dự án khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ tại thị trấn Sa Rài	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân khu vực biên giới, mở rộng hạ tầng thương mại văn minh đến các vùng nông thôn phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và địa phương.	Theo quy định	Huyện Tân Hồng	Phân khu từ 5,5 ha đến 36 ha			2021 – 2025 Kế thừa QĐ 491/QĐ-UBND-HC

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
IV	Trung tâm nông sản							
1	Xây mới Trung tâm đầu mối nông sản và thủy sản nước ngọt vùng Đồng Tháp Mười	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng dân cư, giao thương với các tỉnh thành	Trung tâm đầu mối	Tỉnh Đồng Tháp				2021 - 2030
2	Trung tâm đầu mối vùng ĐBSCL	Phát triển thương mại dịch vụ, trung tâm dịch vụ phân phối sản phẩm nông nghiệp, là điểm đầu mối liên kết tiêu thụ hàng nông sản	Theo quy định	TP. Cao Lãnh (KCN Trần Quốc Toản)				2021 – 2025
3	Trung tâm thu mua - phân phối nông sản an toàn huyện Cao Lãnh	Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng dân cư, giao thương trong Tỉnh	Trung tâm đầu mối	Huyện Cao Lãnh				2021 - 2025
V	Kho, Trung tâm Logistics							

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
1	Trung tâm Logistics gắn với chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp	Phát triển thương mại dịch vụ, trung tâm dịch vụ phân phối sản phẩm nông nghiệp, là điểm đầu mối liên kết tiêu thụ hàng nông sản	Do nhà đầu tư đề xuất theo định hướng phát triển của huyện Cao Lãnh	xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh.				2021 - 2025
2	Trung tâm Logistics tại thị trấn Cái Tàu Hạ - Nha Môn	Phục vụ cho hàng hóa lưu thông trên hành lang Bắc Nam, qua đường bộ cao tốc và đường sắt tốc độ cao Bắc Nam sẽ được xây dựng.	Theo quy định	Thị trấn Cái Tàu Hạ - Nha Môn				2021 - 2025
3	Kho chứa hàng hóa – logistics; Kho ngoại quan, công nghiệp dự trữ cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà	Kho chứa hàng, kho ngoại quan	Theo quy định về xây dựng kho ngoại quan	Huyện Tân Hồng	3,1457 ha (một phần Lô E3)			2026 - 2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
4	Kho Cửa khẩu Thường Phước	Kho chứa, lưu trữ hàng hóa	Theo quy định	huyện Hồng Ngự	2,5 ha			2021 - 2025
5	Kho ngoại quan Cửa khẩu Mộc Rá	kho, bãi lưu giữ hàng hóa đã làm thủ tục hải quan được gửi để chờ xuất khẩu; hàng hóa từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu	Theo quy định	TP. Hồng Ngự	2,5 ha			2021 - 2025
6	Khu kho vận thương mại đô thị	Hình thành các khu chức năng tập kết, sơ chế, phân loại, đóng gói,... hàng hóa để phát luồng đến các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị	Theo quy định	Thành phố Sa Đéc	Tối thiểu 1.000 m ²			2021 - 2025

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
7	Khu kho vận thương mại đô thị	Hình thành các khu chức năng tập kết, sơ chế, phân loại, đóng gói,... hàng hóa để phát luồng đến các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị Nơi tập trung các nhà vừa.	Theo quy định	Thành phố Cao Lãnh	Tối thiểu 1.000 m ²			2021 - 2025
8	Tổng kho dự trữ xăng dầu	Phục vụ nhu cầu nhiên liệu cho sản xuất, dự trữ thương mại, phát triển kinh tế - xã hội địa phương và an ninh quốc phòng của tỉnh, đất nước.		Địa bàn phía sông Hậu				2021 – 2030
9	Tổng kho dự trữ xăng dầu	Phục vụ nhu cầu nhiên liệu cho sản xuất, dự trữ thương mại, phát triển kinh tế - xã hội địa phương và an ninh quốc phòng của tỉnh, đất nước.		địa bàn phía sông Tiền				2021 - 2030

Stt	Tên dự án	Mục tiêu hoạt động	Quy mô, công suất, nội dung đầu tư	Địa điểm	Diện tích	Hiện trạng đất	Hình thức đầu tư	Giai đoạn thực hiện
10	Khu kho vận thương mại đô thị	Hình thành các khu chức năng tập kết, sơ chế, phân loại, đóng gói,... hàng hóa để phát luồng đến các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị	Theo quy định	Thành phố Hồng Ngự	Tối thiểu 1.000 m ²			2021 – 2025 Theo phụ lục XXI, QĐ 39/QĐ-TTg năm 2024

Chương V

CÁC GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH NGÀNH THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Các nhóm giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch

1.1. Giải pháp thực hiện quy hoạch

- Triển khai đề án phát triển ngành thương mại của tỉnh trên cơ sở quy hoạch tổng thể đã được duyệt nhằm đảm bảo tính hợp lý, thực thi và bền vững trong quá trình phát triển.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch; công tác quản lý quy hoạch tỉnh, thành phố, huyện cần phải được phân cấp cụ thể từ bước xây dựng đến bước thực hiện quy hoạch, kể cả phân cấp xây dựng và triển khai các dự án theo chức năng quản lý ngành của các sở, ban, ngành trong tỉnh.

- Tập trung đầu tư phát triển theo các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm của tỉnh như các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, trung tâm logistics, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ đầu mối.

- Đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng trong công tác đầu tư, giám sát đầu tư xây dựng nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí tiêu cực dẫn đến chất lượng công trình kém, không phát huy hiệu quả sử dụng.

- Tổ chức rà soát, nghiên cứu và đề xuất các nội dung phù hợp tại các quy hoạch liên quan đến thương mại biên giới để tích hợp vào quy hoạch Tỉnh, quy hoạch vùng và quy hoạch cấp quốc gia theo qui định.

1.2. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển ngành

1.2.1 Hạ tầng thương mại

➤ Chợ truyền thống

- Khẩn trương nâng cấp, hoàn thiện các công trình phụ trợ (bãi xe, nhà vệ sinh, kho hàng,...), tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ mua bán ở chợ theo hướng đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, nguồn gốc xuất xứ, giá cả rõ ràng để nâng cao sức cạnh tranh với các loại hình phân phối khác.

- Xây dựng chính sách kết hợp giữa ngân sách nhà nước và vốn xã hội hóa: huy động từ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong chợ, các nguồn tài trợ trong và ngoài nước,... để có nguồn vốn đáp ứng nhu cầu sửa chữa, nâng cấp chợ.

➤ Siêu thị và trung tâm thương mại

Thu hút các nhà đầu tư lớn đặc biệt các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại đạt chuẩn văn minh, hiện đại.

➤ Cửa hàng bán lẻ hiện đại

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển các chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại, kinh doanh tổng hợp (cửa hàng tiện lợi) hoặc chuyên doanh lương thực, thực

phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu, phục vụ nhu cầu hàng ngày của người dân tại các khu vực tập trung đông dân cư.

- Khuyến khích các hộ kinh doanh bán lẻ ở các mặt tiền đường nhưng chưa hiệu quả chuyển đổi sang các mô hình cửa hàng bán lẻ hiện đại (nêu trên).

➤ **Cửa hàng tạp hóa**

Khuyến khích sáp nhập hoặc nâng cấp theo mô hình các chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại. Để thực hiện việc đó, tập trung giải quyết 03 vấn đề:

- Tiến hành khảo sát, phân loại mạng lưới cửa hàng tạp hóa hiện hữu để xác định phương án phát triển phù hợp;

- Xây dựng mô hình kiểu mẫu với các tiêu chí cụ thể về cơ sở vật chất, hàng hóa, phương thức kinh doanh phù hợp để chuyển đổi sang mô hình cửa hàng bán lẻ hiện đại;

- Khuyến khích thương nhân kinh doanh cửa hàng tạp hóa liên kết phát triển thành các chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại theo hình thức nhượng quyền thương mại.

1.2.2. Hạ tầng kỹ thuật khác hỗ trợ cho thương mại – dịch vụ:

- Phát triển mạng lưới đường cao tốc để nối các đô thị.

- Kết nối nhanh giữa vùng đô thị và Campuchia. Phát huy tuyến cao tốc Hồng Ngự- Cao Lãnh- An Hữu – Trà Vinh, kiến tạo trục ngang mới cho Đồng Tháp gắn kết với kinh tế biên mậu và vùng Campuchia. Đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Cửa khẩu Đồng Tháp với 02 cửa khẩu quốc tế theo quy hoạch; đầu tư nâng cấp cặp cửa khẩu Thường Phước (Đồng Tháp) - KaohRoKa (Prây-veng). Xây dựng các tuyến đường tuần tra biên giới, đường ra biên giới, các công trình quốc phòng - an ninh.

- Đầu tư phát triển hạ tầng giao thông để phát triển giao thương hàng hóa giữa người dân hai nước qua cửa khẩu Mộc Rá.

+ Về giao thông thủy, kết nối sông Tiền và sông Hậu tại những vị trí kết nối với giao thông bộ để cải thiện mạng lưới giao thông thủy. Hình thành các điểm kết nối đa phương thức gắn liền với các TTĐM vùng và Tỉnh (bến, cảng thủy, cao tốc, hub..).

- Xây dựng 03 khu kho vận thương mại đô thị với chức năng tập kết, sơ chế, phân loại, đóng gói,... hàng hóa để phát luồng đến các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự liên kết với các cảng Trần Quốc Toàn, Sa đéc, Thường Phước. Đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cấp hệ thống kho vận lúa gạo dọc kênh Xáng Lấp Vò và TP Sa Đéc.

- Phát triển hệ thống kho vận lúa gạo tại Trường Xuân - Hưng Thạnh (Tháp Mười) và hệ thống kho ngoại quan tại Thường Phước (Hồng Ngự).

1.2.3. Hạ tầng số

- Tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật viễn thông đảm bảo chất lượng dịch vụ internet băng rộng và phủ khắp đến các hộ gia đình; triển khai mạng 5G đảm bảo chất lượng cho các dịch vụ IoT,...

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, từ cấp tỉnh đến cấp xã trên cơ sở tái cấu trúc mạng truyền số liệu chuyên dùng hiện có và mạng diện rộng của Tỉnh theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, sử dụng hiệu quả mạng dùng riêng cho Chính phủ số, tuân thủ mô hình tham chiếu về kết nối mạng cho bộ, ngành, địa phương do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- Trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối và chứng thư số chuyên dùng để phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước.

- Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh theo mô hình điện toán đám mây dùng riêng kết nối với đám mây của Chính phủ nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Kết nối hệ thống mạng giữa khối Đảng với khối Chính quyền và đưa vào sử dụng để trao đổi một số nội dung cần thiết nhằm phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. - Xây dựng, triển khai phương án ngừng dịch vụ mạng 2G và phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Mạng WAN của tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối số.
- Triển khai chuyển đổi toàn bộ hệ thống ứng dụng của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Thiết lập Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh (Intelligent Operation Center - IOC) để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị. Nâng cấp, hoàn thiện các Trung tâm chuyên 40 ngành như giao thông, an ninh, phòng cháy chữa cháy, môi trường, điện chiếu sáng, điện lực, cấp nước..., kết nối, tích hợp về Trung tâm IOC của tỉnh. - Xây dựng Quy hoạch mạng lưới hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh; bổ sung camera các khu vực trọng điểm; triển khai kết nối, chia sẻ, quản lý đồng bộ dữ liệu camera trên địa bàn.

1.2.4. Hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu

Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu bao gồm:

- Khu công cộng gồm có khu kiểm dịch, hải quan, biên phòng, khu thương mại miễn thuế, kho ngoại quan, trạm kiểm soát đường thủy, bến lên hàng, cổng chào, trạm kiểm soát đường bộ, bãi đậu xe, khu xử lý nước thải

- Khu bảo thuế gồm có bãi container, thương mại quốc tế, trưng bày sản phẩm, kho nông sản, kho bãi xe hơi, kho kim khí điện máy, kho đồ hộp, kho lạnh, hải

quan, tổ thuế, bãi đậu xe, bến cảng, khu thu gom rác thải, khu xử lý nước thải, trạm cấp điện, cấp nước.

- Khu thương mại bao gồm dịch vụ ăn uống, chợ bách hóa, chợ nông sản, bãi xe, bến lên hàng.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp chợ biên giới theo hướng văn minh, hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thương mại biên giới; tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện và hàng hóa qua lại cửa khẩu, mua bán tại chợ biên giới góp phần đẩy mạnh hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa và cải thiện đời sống của cư dân khu vực biên giới.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển đồng bộ và hợp lý hệ thống bến bãi trên địa bàn khu vực biên giới nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới. Ưu tiên đầu tư hệ thống kho bãi theo Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, thương mại tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 6300/QĐ-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Bộ Công Thương thuộc danh mục các quy hoạch được tích hợp đã được Chính phủ ban hành tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành Danh mục các quy hoạch vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản c Điều 59 Luật Quy hoạch; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc triển khai đầu tư phát triển kho bãi tại các cửa khẩu biên giới trên địa bàn Tỉnh đến năm 2025.

- Hoàn thành cơ bản hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp và các cửa khẩu, nhất là hai cửa khẩu quốc tế Thường Phước và Dinh Bà; hoàn chỉnh hồ sơ nâng cấp cửa khẩu chính Mộc Rá trình Thủ tướng Chính phủ.

1.3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

1.3.1. Cơ quan quản lý nhà nước

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý lĩnh vực thương mại, nghiệp vụ về an toàn thực phẩm, chống hàng gian, hàng giả, phòng cháy chữa cháy,... phù hợp với trình độ, điều kiện thực tiễn của cán bộ, nhân viên quản lý chợ.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bán lẻ thông qua bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, phát triển mạng lưới bán lẻ. Tập huấn nghiệp vụ, phổ biến pháp luật thương mại cho đội ngũ quản lý và nhân viên bán hàng tại các siêu thị, trung tâm thương mại, tiểu thương các chợ theo hướng kết hợp giữa lý thuyết với tham quan, học tập kinh nghiệm thực tế.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác thông tin xúc tiến thương mại: Tổ chức, tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng thông tin xúc tiến thương mại cho cán bộ làm công tác xúc tiến thương mại và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về thương mại điện tử (TMĐT), trang bị phương tiện, phần mềm chuyên dụng

cho Cục Quản lý thị trường, Thanh tra Sở Công Thương để có đủ năng lực phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về TMĐT nói riêng, vi phạm pháp luật thương mại nói chung; tạo chỗ dựa, niềm tin giúp người tiêu dùng và doanh nghiệp mạnh dạn ứng dụng thương mại điện tử.

1.3.2. Đối với doanh nghiệp

- Đẩy mạnh hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử (TMĐT) cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh cá thể về các giải pháp ứng dụng TMĐT phù hợp như: phần mềm quản lý hàng hóa, thu - chi dành cho cửa hàng bán lẻ; giải pháp xây dựng, kết nối website bán hàng với chuỗi cửa hàng sẵn có; giải pháp bán hàng trên mạng xã hội, sàn giao dịch TMĐT...

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh, phân phối hàng hóa, xuất nhập khẩu.

- Tổ chức tập huấn, cung cấp thông tin về các hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, vệ sinh an toàn thực phẩm, xuất xứ hàng hóa... đối với những thị trường tiềm năng, sản phẩm hàng hóa của tỉnh có khả năng xuất khẩu với số lượng lớn.

1.4. Giải pháp hoàn thiện môi trường kinh doanh

1.4.1. Cải cách hành chính

- Hướng dẫn thủ tục pháp lý để khuyến khích các hộ kinh doanh, các cá nhân mạnh dạn thành lập doanh nghiệp phân phối ở các cấp độ, quy mô khác nhau.

- Hiện đại hóa hành chính và cải cách tài chính công. Tăng cường tính liên thông trong cải cách thủ tục hành chính, cần tạo ra cơ sở dữ liệu trên các lĩnh vực đảm bảo liên thông được với cơ sở dữ liệu quốc gia, chia sẻ được giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh để giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Mức độ hiệu quả của giải quyết thủ tục hành chính cần phải được tính trên cơ sở sự hài lòng của người dân, tổ chức, thời gian, kết quả thủ tục được giải quyết.

- Đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử, hướng đến chính phủ số. Xây dựng giải pháp đồng bộ để hình thành đội ngũ cán bộ, công chức và công dân, doanh nghiệp thích ứng với môi trường kinh tế số.

- Kết hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật của hệ thống hành chính và hạ tầng kỹ thuật của các doanh nghiệp đang được người dân và tổ chức sử dụng mang tính rộng rãi, phổ biến hiện có như mạng xã hội Zalo, Ví điện tử...

- Cải cách tài chính công gắn với mục tiêu nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với thực tiễn; tăng cường kiểm soát bảo đảm kỷ luật, kỷ cương về thu, chi ngân sách nhà nước. Đổi mới cơ chế, chính sách quản lý ngân sách theo hướng giảm dần việc quản lý ngân sách theo định mức đầu vào, hướng tới xây dựng và quản lý ngân sách, tài chính công theo đầu ra; sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển, tạo ra động lực cho phát triển, tránh sự đầu tư dàn trải, đầu tư kém hiệu quả, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính; Nâng cao năng lực của đội ngũ công chức làm công tác cải cách hành chính; bố trí đủ nguồn lực tài chính cho cải cách hành chính.

1.4.2. Xúc tiến thương mại và đầu tư

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại: Tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn các chính sách mới của nhà nước và của tỉnh đến nhân dân và các thành phần kinh tế kinh doanh thương mại trên địa bàn; Hỗ trợ các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan trong việc kết nối, trao đổi, khai thác thông tin xúc tiến thương mại. Quảng bá hình ảnh các mặt hàng, sản phẩm của tỉnh, chỉ dẫn địa lý của tỉnh ra thị trường nước ngoài; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ trong tỉnh đến người tiêu dùng trong nước thông qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác;

- Tổ chức tập huấn, cung cấp thông tin về các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, vệ sinh an toàn thực phẩm, xuất xứ hàng hóa... đối với những thị trường tiềm năng, sản phẩm hàng hóa của tỉnh có khả năng xuất khẩu với số lượng lớn.

- Nâng cao chất lượng tham gia Hội chợ: Tham gia hội chợ, triển lãm và hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia những hội chợ, triển lãm để quảng bá các sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các hội chợ, triển lãm trong nước và ngoài nước với những phương án thiết kế và trang trí gian hàng sao cho tạo nên một không gian đẹp, mang bản sắc riêng, gọi lên trong tiềm thức khách hàng về hình ảnh một đơn vị giàu tiềm năng hợp tác phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, công tác truyền thông, quảng bá tại hội chợ phải được đầu tư một cách bài bản và chuyên nghiệp. Yêu cầu các doanh nghiệp cần có sự đầu tư chuẩn bị chu đáo từ khâu sản phẩm mẫu trưng bày, thông tin giới thiệu; đặc biệt là khâu chuẩn bị nhân sự tham gia hội chợ.

- Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn: Phối hợp với phòng Kinh tế, Kinh tế hạ tầng, Ủy ban MTTQVN các huyện, UBND các xã lựa chọn địa điểm và thời gian tổ chức hợp lý để bà con nhân dân có điều kiện mua sắm và doanh nghiệp có doanh thu.

- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương và tham gia hội nghị kết nối giao thương của các tỉnh: Mỗi năm lựa chọn tham gia kết nối giao thương tại các tỉnh khác nhau để doanh nghiệp có cơ hội giới thiệu, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm đối tác, nhà phân phối, đại lý trên toàn quốc.

- Hàng năm nên tổ chức thêm các hoạt động như: Tổ chức hội nghị giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu, đưa hàng hoá vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại; Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý; Xây dựng ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp, đĩa,...

- Trang bị máy móc, thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh tính chuyên nghiệp trong hoạt động xúc tiến thương mại.

- Đào tạo, tập huấn kiến thức về xây dựng và quảng bá thương hiệu; Hỗ trợ đặt tên thương hiệu; Thiết kế biểu tượng (logo) hoặc hệ thống các dấu hiệu nhận diện thương hiệu tương ứng cho các thương hiệu doanh nghiệp hoặc thương hiệu sản phẩm.

- Hỗ trợ tư vấn chiến lược xây dựng và phát triển các thương hiệu doanh nghiệp hoặc thương hiệu sản phẩm; Hỗ trợ các hoạt động truyền thông marketing, quảng bá các thương hiệu doanh nghiệp hoặc thương hiệu sản phẩm bằng các loại hình marketing như: quảng cáo trên các phương tiện truyền thông, sản xuất phim thương hiệu, xây dựng website, truyền thông online, in ấn các sản phẩm truyền thông cho thương hiệu doanh nghiệp/sản phẩm, quảng cáo bảng/biển, tổ chức sự kiện,...

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn về sở hữu trí tuệ, hỗ trợ các doanh nghiệp nắm bắt đầy đủ thông tin về đăng ký bảo hộ về quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu sản phẩm, dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, chỉ dẫn địa lý..., trong và ngoài nước. Hỗ trợ doanh nghiệp thực thi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chống lại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng thương hiệu quốc gia cho các ngành hàng có thế mạnh của tỉnh, đặc biệt là hai ngành hàng gạo và cá tra. Chú trọng triển khai các chiến lược về chiến lược sản phẩm khác biệt, chiến lược chất lượng sản phẩm, chiến lược chi phí thấp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tích hợp công nghệ số hóa, thúc đẩy phát triển những giải pháp sản xuất và kinh doanh dựa trên số hóa; tối ưu hóa mô hình kinh doanh, phát triển kỹ năng mới cho từng cá nhân và tổ chức, sử dụng hiệu quả chuỗi cung ứng thông minh; có giải pháp quản lý tài sản trí tuệ trong thời đại số phù hợp với những mô hình kinh doanh và các mô hình hợp tác mới.

- Duy trì các hoạt động xúc tiến thương mại qua biên giới Đồng Tháp - Campuchia: phối hợp với tỉnh Prây-veng, Campuchia luân phiên tổ chức hội đàm định kỳ, hội nghị xúc tiến thương mại biên giới, hội nghị kết nối thương nhân, hội chợ thương mại quốc tế.

- Phối hợp tổ chức các chương trình, hội nghị kết nối thương nhân xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, cơ khí, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng qua các cửa khẩu biên giới của Đồng Tháp sang tỉnh Prây-veng. Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu trong việc cung cấp thông tin về thị trường, mặt hàng, giá cả và chính sách quản lý biên mậu của tỉnh Prây-veng.

1.5. Thu hút vốn đầu tư

- Cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư nhằm khuyến khích, huy động vốn trong dân cư, doanh nghiệp vốn nước ngoài, vốn các nhà đầu tư bên ngoài vào phát triển ngành thương mại - dịch vụ trên địa bàn tỉnh với các hình thức đầu tư phù hợp.

- Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách nhà nước, các nguồn vốn từ TW thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế, chính sách ưu đãi.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp bảo đảm vốn cho các công trình, dự án trọng điểm. Xây dựng các dự án hạ tầng hỗ trợ phát triển thương mại - dịch vụ trên cơ sở tính toán hiệu quả để thu hút các nguồn vốn vay tín dụng của Nhà nước.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư và thu hút vốn FDI: Hoạt động thu hút đầu tư phải có tầm nhìn chiến lược mang tính lâu dài và bền vững với việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược có tầm ảnh hưởng và lôi kéo các nhà đầu tư khác vào phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện chính sách về đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo tính minh bạch, phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Tiếp tục cải tiến và công khai hoá các quy trình, thủ tục hành chính để đơn giản hóa thủ tục đầu tư.

1.6. Công tác quản lý nhà nước

1.6.1. Nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm trong hệ thống phân phối

➤ Đối với chợ truyền thống

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng mạng lưới chợ truyền thống trên cơ sở đáp ứng các tiêu chí về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Nâng cao chất lượng thực phẩm kinh doanh tại chợ: từng bước xây dựng được nguồn cung cấp thực phẩm an toàn, truy xuất được nguồn gốc, xuất xứ để đưa vào các chợ. Trước mắt tập trung vào các nhóm thực phẩm thiết yếu (thịt heo, rau củ quả,...) phục vụ nhu cầu tiêu dùng hàng ngày của nhân dân.

- Cải thiện chất lượng phục vụ tại chợ thông qua: tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho thương nhân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ,...

➤ Đối với kênh phân phối hiện đại

- Khuyến khích doanh nghiệp phân phối tiến hành sàng lọc, kinh doanh thực phẩm an toàn, hỗ trợ nâng cao thương hiệu, thị phần cho nông sản thực phẩm chất lượng cao, đáp ứng xu thế hội nhập và phát triển trong giai đoạn tới.

- Ưu tiên giới thiệu, kết nối các sản phẩm thực phẩm đã được cơ quan quản lý có thẩm quyền, các tổ chức đánh giá uy tín chứng nhận an toàn (VietGap, GlobalGap, “chuỗi thực phẩm an toàn”...), đảm bảo chất lượng, truy xuất được nguồn gốc vào các kênh phân phối hiện đại của tỉnh.

1.6.2. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm,...

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật đối với các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực thương mại; việc đầu tư xây dựng, quản lý kinh doanh, phòng chống dịch bệnh,... của các cơ sở hạ tầng thương mại theo quy định pháp luật.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động mua bán, vận chuyển hàng hóa qua biên giới nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.

1.6.3. Nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin ngành thương mại

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật thương mại định kỳ hàng năm; tổ chức đánh giá, đúc kết kinh nghiệm triển khai nhằm đảm bảo doanh nghiệp và người dân được tiếp cận thông tin đầy đủ, chính thống.

- Nâng cao chất lượng thu thập, cung cấp thông tin chuyên ngành thương mại cho 03 nhóm đối tượng:

+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước: chủ động khảo sát, thu thập thông tin theo nhu cầu quản lý thực tiễn để có nguồn dữ liệu tin cậy, phục vụ tốt công tác xây dựng, triển khai, đánh giá kết quả các chương trình, kế hoạch phát triển ngành.

+ Đối với doanh nghiệp: nâng cao chất lượng thông tin cung cấp cho doanh nghiệp theo hướng: vừa chuyên sâu - vừa cụ thể, đáp ứng nhu cầu thực tiễn như: thông tin chọn lọc trong Hiệp định thương mại tự do (FTA) dành cho doanh nghiệp ngành giày da, may mặc, doanh nghiệp sản xuất nông thủy, sản...

+ Đối với người tiêu dùng: thông tin phải chính xác, tránh gây hoang man, ngộ nhận cho người dân. Tập trung hướng dẫn người dân cách thức tự bảo vệ mình khi mua hàng, biết thông tin cơ quan có thẩm quyền để liên hệ khi cần thiết.

- Trên tinh thần phát huy nguồn lực xã hội trong phát triển ngành thương mại, cần cung cấp đầy đủ, rộng rãi thông tin về quy hoạch định hướng phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại; thông tin về các chợ hoạt động không hiệu quả cần chuyển đổi công năng; thông tin mời thầu khai thác và quản lý chợ...

- Xây dựng cổng thông tin logistics để giúp các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp phân phối, sản xuất có điều kiện tìm hiểu, hợp tác với cộng đồng doanh nghiệp logistics.

1.6.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

- Đẩy mạnh việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

- Nâng cấp cổng thông tin của các Sở - Ban - Ngành nhằm tăng cường các kênh thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của tỉnh; đồng thời tạo sự kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức, cá nhân.

1.6.5. Tăng cường kết nối doanh nghiệp

- Thúc đẩy kết nối giữa các doanh nghiệp phân phối trên địa bàn với nhau, giữa doanh nghiệp phân phối truyền thống (offline) với doanh nghiệp thương mại điện tử (online); kết nối giữa doanh nghiệp phân phối tỉnh với các doanh nghiệp sản xuất trong cả nước, nhất là doanh nghiệp các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh. Phương thức thực hiện: nghiên cứu xây dựng, triển khai một số chương trình như: kết nối cung - cầu thực phẩm an toàn, kết nối

cung - cầu đặc sản Việt Nam, Thúc đẩy Khuyến mại (cả trực tuyến và truyền thống),... nhằm tạo điều kiện giao lưu, hợp tác trong cộng đồng doanh nghiệp, từ đó tạo thành sức mạnh tổng thể trong cạnh tranh quốc tế.

- Cơ quan nhà nước hỗ trợ quảng bá, giới thiệu, mời gọi doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại quan trọng các sản phẩm có tính đặc trưng, đặc sản của các vùng miền trên cả nước, các sản phẩm chủ lực của tỉnh...

- Định kỳ hàng năm tổ chức hội chợ, triển lãm chuyên ngành đối với các nông sản đặc trưng của Việt Nam có lợi thế trên thị trường quốc tế như: cà phê, gạo, hạt điều, hạt tiêu,... Bên cạnh đó, tổ chức các đoàn tham dự hội chợ, triển lãm để tiếp cận, mở rộng thị trường cho các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Sở Công Thương

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan để tham mưu UBND xây dựng các kế hoạch, chương trình, phương án,... cho từng loại hình cơ sở hạ tầng thương mại để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Phương án phát triển ngành thương mại, kinh tế biên giới, các ngành dịch vụ, sản xuất kinh doanh và phát triển dịch vụ logistics giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trong Quy hoạch tỉnh tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo từng giai đoạn, từng thời kỳ cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan thống nhất hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền thống nhất chủ trương đầu tư phát triển mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa,... đối với các công trình cơ sở hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý và các quy định hiện hành.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm,...

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật đối với các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực thương mại; kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng, quản lý kinh doanh, phòng chống dịch bệnh,... của các cơ sở hạ tầng thương mại theo quy định pháp luật.

2.2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với sở Tài chính, sở Công Thương và các ngành liên quan: Xem xét, tổng hợp kế hoạch đầu tư xây dựng chợ hàng năm của tỉnh để bố trí vốn hỗ trợ đầu tư chợ từ ngân sách theo quy định của nhà nước trình UBND tỉnh quyết định.

- Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng chợ từ ngân sách nhà nước và chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng chợ theo quy định.

- Trong kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm, cần bố trí vốn đầu tư hợp lý cho nhu cầu cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thương mại phục vụ phát triển hoạt động bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức tuyên truyền quảng bá các dự án và chính sách ưu đãi đầu tư nhằm thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn, các công ty đa quốc gia tham gia đầu tư phát triển hệ thống phân phối hiện đại trên địa bàn tỉnh

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở Công Thương, sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan: Hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho ban quản lý chợ, doanh nghiệp và hợp tác xã kinh doanh quản lý chợ;

- Hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho việc chuyển đổi các ban quản lý chợ (đối với các loại chợ do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư) sang doanh nghiệp hoặc hợp tác xã kinh doanh, quản lý chợ.

- Tham mưu giúp UBND tỉnh tạo nguồn vốn và quỹ đất sạch để giao cho doanh nghiệp đầu tư các công trình bán buôn, bán lẻ hiện đại.

- Phối hợp với sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước, các quy định khác về tổ chức các dịch vụ có thu theo hướng tăng cường tính chủ động cho các doanh nghiệp kinh doanh, phát triển hoạt động bán buôn, bán lẻ.

2.3. Sở Xây dựng

- Lập kế hoạch khảo sát, thiết kế và đề xuất đầu tư xây dựng đối với các trục giao thông kết nối các công trình thương mại quy mô lớn với tuyến trục giao thông chính, tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển tiêu thụ các sản phẩm hàng hoá của địa phương.

- Tiến hành quy hoạch và khảo sát thiết kế các tuyến giao thông gắn với chợ đảm bảo lưu thông thuận tiện cho người và hàng hoá qua các cơ sở bán buôn, bán lẻ, nhất là đối với cơ sở bán buôn, bán lẻ mới được xây dựng.

- Quản lý việc đấu nối các cơ sở hạ tầng thương mại vào hệ thống đường giao thông phải đảm bảo theo quy định pháp luật.

- Quản lý quy hoạch và kiến trúc, phân cấp thẩm định cấp phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng thương mại. Thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các dự án đầu tư, trình UBND tỉnh phê duyệt; hướng dẫn chi tiết các quy định và trình tự thực hiện dự án xây dựng đối với các chủ đầu tư xây dựng cơ sở bán buôn, bán lẻ phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, UBND các huyện, thị, thành phố thống nhất nhu cầu đất để phát triển hạ tầng thương mại.

- Hướng dẫn công tác bảo đảm vệ sinh môi trường tại các chợ và các công trình cơ sở hạ tầng thương mại theo quy định pháp luật.

2.5. Công an Tỉnh

- Thẩm định thiết kế kỹ thuật và hướng dẫn chi tiết các quy định về tiêu chuẩn phòng cháy, chữa cháy đối với các công trình hạ tầng thương mại phục vụ hoạt động bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy.

- Hàng năm phối hợp với Sở Công Thương tổ chức kiểm tra chuyên ngành về phòng cháy, chữa cháy đối với hệ thống các công trình thương mại.

2.6. UBND các huyện, thành phố

- Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương và các ngành liên quan lựa chọn địa điểm để xây dựng trung tâm thương mại, chợ, siêu thị. Lập kế hoạch dành quỹ đất để xây dựng trung tâm thương mại, chợ, siêu thị phù hợp quy hoạch.

- Căn cứ quy hoạch hàng năm lập kế hoạch đầu tư mới, nâng cấp các công trình bán buôn, bán lẻ trên địa bàn thời kỳ đến 2030, báo cáo về Sở Công Thương để tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các sở, ngành tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý chợ và thiết lập trật tự về giao thông, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, vệ sinh và an toàn thực phẩm tại các cơ sở bán buôn, bán lẻ trên địa bàn, đồng thời xử lý nghiêm khắc các vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Chủ động phối hợp với các ngành chức năng khuyến khích, mời gọi các thành phần kinh tế đầu tư phát triển mới và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các cơ sở bán buôn, bán lẻ do cấp mình quản lý.

- Xây dựng kế hoạch triển khai nhân rộng mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn, xóa điểm kinh doanh tự phát gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh.

2.7. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

- Tạo điều kiện cho tiểu thương kinh doanh tại các chợ trên địa bàn, chú trọng công tác PCCC, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; Cần tuyên truyền, vận động tiểu thương thực hiện tốt nếp sống văn minh thương mại, niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết, không gian lận thương mại, không kinh doanh hàng gian hàng giả. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các cửa hàng kinh doanh trên các đường phố cải tạo nâng cấp thành các cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh có quy mô phù hợp với trang thiết bị hiện đại. Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, huyện kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh thương mại trên địa bàn./.